TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 285/ĐHBK-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUY ĐỊNH VỀ HỌC VỤ VÀ ĐÀO TẠO BẬC ĐẠI HỌC - PHIÊN BẢN HỢP NHẤT

Quy định tổng hợp này tổng hợp các quy định về học vụ và đào tạo bậc đại học áp dụng tại trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là trường, nhà trường) từ các văn bản sau:

*1. Quy chế đào tạo trình độ đại học (gọi tắt là **TT08**) ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*2. Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (gọi tắt là **TT17**) ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*3. Quy định chung về học vụ và đào tạo (gọi tắt là **HVu_chung**) ban hành theo Quyết định số 2931/QĐ-ĐHBK ngày 10/9/2021, được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1887/QĐ-ĐHBK ngày 01/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.*

*4. Quy định học vụ và đào tạo bậc đại học (gọi tắt là **HVu_ĐH**) ban hành theo Quyết định số 2933/QĐ-ĐHBK ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.*

Chương 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 1, HVu_chung
Điều 1, HVu_ĐH

Quy định này là về học vụ và đào tạo và hình thức đào tạo bậc đại học tại trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là trường hoặc nhà trường).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Một số từ ngữ dùng trong quy định này được hiểu như sau:

2.1 Chương trình đào tạo, học phần, khối lượng học tập

- Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

  Khoản 1, Điều 2, TT17

  Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

  Khoản 1, Điều 2, TT08

- Chuẩn đầu ra là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

  Khoản 4, Điều 2, TT17

  Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức,

  Khoản 2, Điều 2, TT08

phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

- Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần) là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ. *Khoản 12, Điều 2, TT17*
- Điều kiện tiên quyết của một học phần: *Điều 2, HVu_ĐH*
  - Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B: sinh viên phải tích luỹ được học phần A trước khi đăng ký học học phần B. Trong trường hợp cần thiết, điều kiện này còn kèm theo kết quả học tập tối thiểu của học phần A từ một mức điểm cụ thể.
  - Học phần A là học phần song hành của học phần B: sinh viên phải tích luỹ được học phần A trước khi đăng ký học phần B, hoặc phải tích luỹ cả học phần A và học phần B trong cùng một học kỳ, đồng thời học phần B chỉ được xác nhận là đã tích luỹ khi học phần A đã được xác nhận là đã tích luỹ.
  - Học phần A là học phần khuyến nghị của học phần B: sinh viên nên tích luỹ hoặc tự chuẩn bị các kiến thức của học phần A trước khi đăng ký học phần B để đạt hiệu quả cao khi học học phần B.
- Học phần tương đương, thay thế:
  - Học phần tương đương: là các học phần/nhóm học phần có nội dung tương đương với nhau, thường ở các chương trình ngành/nhóm ngành khác nhau, cho phép sinh viên tích luỹ để hoàn thành chương trình đào tạo của mình.
  - Học phần thay thế: là các học phần hoặc nhóm học phần được dùng để thay thế cho học phần hoặc nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành, thường do không còn tổ chức giảng dạy nữa, cho phép sinh viên tích luỹ để hoàn thành chương trình đào tạo của mình.
- Lớp học phần: Là một lớp của một học phần mở cho một nhóm người học, có cùng lịch học, địa điểm học. *Điều 2, HVu_chung*
- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ. *Khoản 1, Điều 7, TT17*
  - Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;
- Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2.2 Khoa, phòng, giảng viên, người học *Điều 2, HVu_chung*

- Khoa: Chỉ chung cho các Khoa và Trung tâm đào tạo thuộc trường như Trung tâm Đào tạo Bảo dưỡng Công nghiệp và Trung tâm Ngoại ngữ. Các Khoa và Trung tâm đảm nhận việc giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo các bậc của trường. Ngoài ra, các đơn vị phụ trách các học phần được giảng dạy trong các chương trình đào tạo cũng được xem là các Khoa trong việc quản lý và phân công giảng dạy.
- Bộ môn: Chỉ chung cho các Bộ môn và các Phòng Thí nghiệm, Xưởng thực hành của Khoa có phụ trách giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo các bậc của trường.

- Phòng Thí nghiệm: Chỉ chung cho các Phòng Thí nghiệm, Xưởng thực hành của Trường, Khoa, Bộ môn có phụ trách giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo các bậc của trường. *Điều 2, HVu_chung*
- Các phòng đào tạo: Chỉ chung cho các Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học. Các công việc do từng phòng đào tạo phụ trách theo bậc đào tạo và theo sự phân công nhiệm vụ của nhà trường.
- Giảng viên: Chỉ chung cho các giảng viên giảng dạy hoặc hướng dẫn các học phần, phần học trong trường như lý thuyết, thảo luận hay thực hành tại lớp, bài tập lớn, tiểu luận, thực tập, thí nghiệm, đồ án, thực tập ngoài trường, các học phần tốt nghiệp (đề cương luận văn tốt nghiệp, khoá luận/luận văn tốt nghiệp, đề cương thạc sĩ, luận văn thạc sĩ, …).
- Sinh viên: Chỉ chung cho toàn bộ người học là sinh viên bậc cao đẳng, đại học, học viên cao học, dự bị nghiên cứu sinh, nghiên cứu sinh và người học tạm thời như sinh viên trao đổi, học viên các lớp ngắn hạn học các học phần ở bậc đại học.
- Sinh viên chính thức: là sinh viên đã trúng tuyển từ các đợt tuyển sinh vào trường, có quyết định công nhận sinh viên hoặc có quyết định tiếp nhận chuyển từ trường khác đến, theo học để được trường cấp bằng tốt nghiệp. Tuỳ theo hình thức đào tạo như chính quy, chính quy đại trà, vừa làm vừa học, bằng thứ hai, … và chương trình như Chất lượng cao, Tài năng, Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt nam PFIEV (Kỹ sư Việt-Pháp) mà có thể có cách gọi tên cụ thể để thuận tiện cho công tác quản lý như sinh viên chính quy, sinh viên đại trà, sinh viên vừa làm vừa học, sinh viên đào tạo từ xa, sinh viên bằng hai, sinh viên chất lượng cao, … *Điều 2, HVu_ĐH*
- Sinh viên trao đổi, chuyển tiếp: là sinh viên theo học trong thời gian ngắn để tích luỹ một số kiến thức tại trường, có thể dùng để được cấp bằng tại một cơ sở đào tạo khác.

2.3 Chuẩn ngoại ngữ *Điều 2, HVu_ĐH*

- Chuẩn ngoại ngữ:
  - Chuẩn ngoại ngữ năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư: quy định trình độ ngoại ngữ theo lộ trình từng năm cho các sinh viên chính quy.
  - Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp: quy định trình độ ngoại ngữ khi sinh viên tốt nghiệp.
  - Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh: quy định trình độ ngoại ngữ khi trúng tuyển, học tập và tốt nghiệp của các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh.
- Các chuẩn này quy định trong Phụ lục 7 và Phụ lục 8.

Chương 2. PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Điều 3. Phương thức đào tạo *Điều 3, HVu_chung*

Trường đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các bậc, khóa và hình thức đào tạo.

- Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường; *Khoản 2, Điều 3, TT08*
- Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;
- Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 4. Hình thức tổ chức học tập giảng dạy học phần *Điều 4, HVu_chung*

Hoạt động học tập giảng dạy trong một học phần bao gồm một hay kết hợp một số trong

các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết: tổ chức thành các lớp học phần;
- Hướng dẫn thảo luận, thực hành tại lớp (gọi chung là thảo luận);
- Hướng dẫn thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, xưởng (gọi chung là thí nghiệm);
- Hướng dẫn tham quan, thực tập tại các cơ sở bên ngoài (gọi chung là thực tập ngoài trường);
- Hướng dẫn đồ án, tiểu luận, bài tập lớn (gọi chung là đồ án);
- Hướng dẫn tốt nghiệp (đề cương luận văn, tiểu luận/khoá luận/luận văn tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ);
- Hướng dẫn tự học, ôn tập;
- Một số hình thức khác.

Các hình thức hướng dẫn đồ án, tốt nghiệp thường không được xếp thời khoá biểu cố định theo tuần, giảng viên bố trí lịch hướng dẫn phù hợp theo quy định để đảm bảo chất lượng học tập.

Điều 5. Thời gian đào tạo

Khoản 5.1, Điều 5, HVu_chung

5.1 Một số khái niệm thời gian đào tạo

- ***Thời gian đào tạo chuẩn*** là số học kỳ chính được thiết kế để một sinh viên trung bình có thể hoàn tất chương trình đào tạo một ngành, bậc và hình thức đào tạo.
- ***Thời gian đào tạo kế hoạch*** là số học kỳ chính được thiết kế theo kế hoạch giảng dạy rút gọn giúp sinh viên sớm hoàn thành một khóa đào tạo theo một hình thức đào tạo cụ thể.
- ***Thời gian đào tạo tối đa*** là số học kỳ chính tối đa để sinh viên hoàn thành một khóa đào tạo theo một hình thức đào tạo cụ thể.

Khoản 3.1, Điều 3, HVu_ĐH

5.2 Thời gian đào tạo cụ thể

Thời gian đào tạo chuẩn, kế hoạch và tối đa tính theo số học kỳ chính được quy định như sau:

Loại hình đào tạo	Thời gian đào tạo (theo số học kỳ chính)		
	Kế hoạch	Chuẩn	Tối đa
Chính quy	8	8	12
Chương trình Kỹ sư Việt-Pháp	10	10	14
Vừa làm vừa học, đào tạo từ xa	10	10	16

Đối với các sinh viên được miễn trừ các học phần từ kết quả học tập trước đó, thời gian đào tạo để hoàn thành khóa học là thời gian theo kế hoạch học tập toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ như sau:

Số học kỳ giảm = [Số học kỳ đào tạo chuẩn] x [Số tín chỉ miễn trừ] / [Số tín chỉ toàn khoá], làm tròn số thành số nguyên.

Khoản 3.2, Điều 3, HVu_ĐH

5.3 Kéo dài thời gian đào tạo

Các trường hợp sau, sinh viên được phép kéo dài thêm một học kỳ chính:

- Sinh viên là người nước ngoài;
- Sinh viên được hưởng chế độ ưu tiên theo khu vực 01, theo nhóm đối tượng 1 và 2 trong tuyển sinh đại học chính quy;

Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng xem xét quyết định kéo dài thời gian đào tạo

cho sinh viên thêm tối đa là 01 học kỳ chính đối với sinh viên chính quy và tối đa là 02 học kỳ chính đối với sinh viên vừa làm vừa học. Mỗi sinh viên chỉ được xem xét kéo dài trong trường hợp đặc biệt không quá một lần.

Chương 3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Điều 6, HVu_chung

Điều 6. Tổ chức năm học

6.1 Tổ chức các học kỳ

Trường tổ chức hai học kỳ chính trong một năm học. Mỗi học kỳ có 15 tuần học và từ 2 đến 3 tuần đánh giá học phần. Ngoài ra, trường có thể tổ chức thêm một học kỳ phụ trong thời gian hè, trong khoảng từ 6 đến 13 tuần, bao gồm thời gian đánh giá học phần.

Ký hiệu các học kỳ có dạng HKYYS, trong đó YY là hai số cuối của năm và S là số thứ tự học kỳ. Ví dụ: HK211, HK212 và HK213 là các học kỳ 1, học kỳ 2 và học kỳ hè của năm học 2021-2022.

6.2 Biểu đồ học tập và lịch học vụ

Biểu đồ kế hoạch học tập và giảng dạy (gọi tắt là Biểu đồ học tập) là một kế hoạch có tính bắt buộc thực hiện trong toàn trường. Biểu đồ quy định các hoạt động học tập và giảng dạy và khung thời gian cho từng hoạt động. Biểu đồ quy định dựa trên tổ chức học kỳ.

Các phòng đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng Biểu đồ học tập với sự góp ý của các đơn vị liên quan và trình Hiệu trưởng ban hành.

6.3 Các tuần trong Biểu đồ

Các tuần ghi trên biểu đồ học là các tuần học vụ. Tuần học vụ được đánh số theo tuần dương lịch, theo chuẩn ISO 8601.

Các tuần học vụ theo quy định:

- Tuần học: dùng để tổ chức các giảng dạy và học tập.
- Tuần thi/kiểm tra: dùng để tổ chức kỳ thi cuối kỳ/kiểm tra giữa kỳ. Trong các tuần này, các lớp học phần tương ứng không có giờ học để sinh viên tham gia thi/kiểm tra.
- Tuần thi/kiểm tra hỗn hợp: việc thi/kiểm tra được tổ chức vào cuối tuần hoặc vào đúng buổi học của lớp học phần tương ứng. Trong các tuần này, các lớp học phần tương ứng vẫn có giờ học bình thường.
- Tuần phản biện/bảo vệ: dùng để tổ chức phản biện và bảo vệ đồ án, thực tập, các học phần tốt nghiệp.
- Tuần sinh hoạt công dân: dùng tổ chức các hoạt động sinh hoạt công dân cho các sinh viên.
- Tuần giáo dục quốc phòng-an ninh: tổ chức cho các sinh viên học tập trung tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tuần thực tập ngoài trường: tổ chức các học phần thực tập ngoài trường. Các tuần này có thể tổ chức trong các học kỳ chính hoặc trong hè.
- Các tuần khác theo nhu cầu của nhà trường.

6.4 Các thời gian nghỉ theo quy định

Các thời gian nghỉ theo quy định:

- Các ngày nghỉ Lễ trong năm: nghỉ theo quy định của nhà nước.
- Tết nguyên đán: nghỉ từ 1-3 tuần.
- Hè: sinh viên không có lịch học trong thời gian hè được nghỉ hè.
- Các ngày nghỉ khác: theo quy định của nhà nước và nhà trường.

Điều 7, HVu_chung

Điều 7. Tổ chức giờ học trong tuần

Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến trước 22 giờ (các tiết từ

1 đến 16) các ngày trong tuần từ thứ 2 đến Chủ nhật; thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù khác của chương trình đào tạo được thực hiện theo tình huống cụ thể.

Điều 8, HVu_chung

Điều 8. Thời khóa biểu

8.1 Các quy định về thời khóa biểu

Thời khóa biểu là bảng kê thời gian tổ chức các lớp học phần cụ thể, có thể theo tuần hoặc theo ngày và tuân thủ theo Biểu đồ học tập.

Một phiên học lý thuyết không kéo dài quá 03 tiết liên tục. Bố trí các phiên học lý thuyết trải đều trong các tuần của học kỳ.

Một phiên hướng dẫn thảo luận không kéo dài quá 02 tiết liên tục. Không xếp phiên thảo luận ngay sau phiên học lý thuyết của cùng một lớp học phần.

Một phiên học thí nghiệm kéo dài không quá 05 tiết liên tục.

Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 tiết/ngày.

Các trường hợp đặc biệt khác, như các lớp ôn tập, lớp chuyên đề đặc thù, lớp theo yêu cầu đặt hàng của doanh nghiệp/đơn vị, có thể xếp mỗi phiên học liên tục 05 tiết và khuyến khích tối đa 04 tiết liên tục.

Một số học phần có thể không được xếp thời khóa biểu cố định như đồ án, thực tập ngoài trường, khoá luận tốt nghiệp… và một số trường hợp đặc biệt khác, giảng viên và sinh viên chủ động trong việc tổ chức thực hiện.

Các lớp học phần được xếp thời khoá biểu tại các cơ sở của trường theo chương trình, bậc và hình thức đào tạo, theo điều kiện về cơ sở vật chất và các quy định khác của nhà trường.

Các phòng đào tạo chịu trách nhiệm xếp và điều chỉnh thời khoá biểu từng học kỳ và công bố công khai cho các bên liên quan trước khi bắt đầu áp dụng ít nhất 01 tuần, ngoại trừ các trường hợp khẩn cấp/bất khả kháng.

Trong thời gian sinh viên đăng ký hay điều chỉnh đăng ký học phần, có thể thêm nhưng không được bớt lớp hay thay đổi thời khoá biểu. Trong trường hợp bất khả kháng, Phòng đào tạo phải thông báo cho sinh viên bị ảnh hưởng và phải có đủ thời gian cho sinh viên kịp điều chỉnh thời khoá biểu cá nhân.

8.2 Khung giờ xếp thời khóa biểu

Khung giờ xếp thời khoá biểu phải phù hợp với từng loại hình lớp và các học kỳ như trong Biểu đồ học tập.

8.3 Quy trình xếp thời khóa biểu

Khoảng giữa học kỳ trước, các Khoa gửi kế hoạch giảng dạy học kỳ, là danh sách các học phần sẽ mở trong một học kỳ và có thể là số nhóm lớp mở cho các học phần đó, và phân bố tiết giảng mỗi tuần, hình thức và thời lượng kiểm tra, thi của các học phần cho các phòng đào tạo. Các đơn vị liên quan (Khoa và Phòng Quản trị Thiết bị) cập nhật các số liệu về phòng học và các loại phòng học cho các phòng đào tạo.

Giao cho Phòng Đào tạo phụ trách quỹ phòng chung toàn trường và phân bổ phù hợp với nhu cầu chung của toàn trường cho các phòng đào tạo, ngoại trừ các trường hợp đã được giao quyền quản lý riêng cho các đơn vị.

Phòng đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần lần thứ nhất.

Căn cứ trên nhu cầu của sinh viên và kế hoạch của các Khoa, Phòng đào tạo xếp thời khoá biểu phù hợp nhất đảm bảo tối đa quyền lợi của sinh viên và phù hợp với kế hoạch của các Khoa.

Phòng đào tạo thông báo kết quả xếp đăng ký học phần và thời khoá biểu cho sinh viên và có thể cho phép sinh viên điều chỉnh đăng ký học phần.

8.4 Thay đổi thời khóa biểu

Trong các trường hợp bất khả kháng, giờ học hàng tuần trong thời khoá biểu của một lớp có thể được thay đổi trong quá trình giảng dạy theo yêu cầu của giảng viên và sinh viên, hoặc theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền. Giờ học mới phải đảm bảo không trùng giờ với tất cả sinh viên trong lớp và tuân thủ đúng khung giờ xếp thời khoá biểu của loại hình lớp, ngoại trừ tình huống bất khả kháng theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền.

Trong một số trường hợp, thời khoá biểu có thể bị thay đổi phòng học theo yêu cầu của nhà trường, giảng viên và sinh viên.

8.5 Bảo đảm thời lượng giảng dạy và học tập

Giảng viên phải bảo đảm thời lượng giảng dạy và học tập theo đúng đề cương học phần. Trường hợp sử dụng các công cụ trực tuyến trong giảng dạy, thời lượng giảng dạy trực tuyến tuân thủ quy định hiện hành.

Các ngày nghỉ Lễ trong năm, sinh viên được nghỉ và thực hiện học tập theo tài liệu học tập và theo các quy định trong đề cương học phần. Riêng các phần học thực tập, thí nghiệm không thể tự học, nhà trường sẽ bố trí lịch bù.

Chương 4. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 9, HVu_chung

Điều 9. Phân công giảng dạy

9.1 Phân công quản lý các học phần

Các Khoa quản lý các học phần của ngành, chuyên ngành. Trường hợp trong chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành có dùng học phần của ngành, chuyên ngành khác, thì Khoa mở học phần nào sẽ quản lý học phần đó. Khoa quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng và ban hành các đề cương học phần phù hợp với các quy định chung. Các phòng đào tạo cấp mã số học phần.

Khoa quản lý học phần có thể ủy quyền xây dựng đề cương học phần cho các bộ môn hoặc một nhóm các giảng viên, trong đó có phân công một giảng viên phụ trách học phần.

Đối với các học phần thuộc các khối kiến thức chung:

- Khoa Khoa học Ứng dụng quản lý các học phần thuộc khối kiến thức Toán, Vật lý, Lý luận chính trị và Pháp luật Việt nam đại cương;
- Khoa Kỹ thuật Hóa học quản lý các học phần thuộc khối kiến thức Hóa học đại cương;
- Khoa Quản lý Công nghiệp quản lý các học phần thuộc khối kiến thức quản lý chung toàn trường;
- Phòng Đào tạo quản lý các học phần Giáo dục thể chất (nếu có);
- Trung tâm Ngoại ngữ quản lý các học phần Anh văn, Pháp văn;
- Văn phòng Chương trình đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) quản lý các học phần khởi nghiệp dùng trong chương trình PFIEV;
- Văn phòng Đào tạo Quốc tế quản lý các học phần chung dành riêng cho các chương trình Chất lượng cao/Tiên tiến/Quốc tế như Giáo dục Kỹ năng, Tiếng Việt cho người nước ngoài, Anh văn tăng cường, Tiếng Nhật;
- Phòng Đào tạo Sau đại học quản lý các học phần chung khác dành riêng cho bậc sau đại học.

9.2 Phân công giảng dạy

Các Khoa (bao gồm các đơn vị quản lý học phần nêu trên) có trách nhiệm phân công giảng dạy các học phần, phần học do Khoa phụ trách. Khoa có thể giao quyền phân công các học phần về các Bộ môn hoặc cán bộ phụ trách học phần. Việc ủy quyền và thay đổi ủy quyền cần phải có văn bản của Khoa và phải được gửi cho các phòng đào tạo để phối hợp hoạt động.

Một lớp học phần có thể được phân công cho nhiều giảng viên giảng dạy, trong đó có một giảng viên phụ trách chính. Khi có nhiều giảng viên cùng giảng dạy, phải tách thời khoá biểu cho riêng từng giảng viên.

Việc phân công phải đảm bảo người được phân công có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp với nội dung học phần, phần học của học phần phụ trách và phù hợp với các bậc đào tạo, hình thức đào tạo cũng như các quy định riêng của các chương trình đào tạo.

Việc phân công phải đảm bảo tiến độ thời gian để toàn bộ công tác tổ chức giảng dạy hoàn thành đúng kế hoạch, trước khi bắt đầu các học kỳ.

Khi cần phân công các giảng viên thuộc Khoa khác trong trường quản lý, Khoa quản lý học phần phải phối hợp với Khoa quản lý giảng viên để đảm bảo việc phân công giảng dạy đạt hiệu quả cao nhất.

Đối với các lớp theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa, trong các trường hợp cần thiết, các phòng đào tạo có quyền phân công giảng viên để đảm bảo công tác vận hành thông suốt. Việc phân công phải đảm bảo được chất lượng giảng dạy.

9.3 Mời giảng, mời hỗ trợ giảng dạy

Khi cần phân công các giảng viên ngoài trường, Khoa thực hiện công tác mời giảng theo quy trình của nhà trường.

Đối với các hoạt động hỗ trợ giảng dạy, Khoa thực hiện công tác mời hỗ trợ giảng dạy theo quy trình của nhà trường.

Điều 10. Sử dụng hệ thống hỗ trợ giảng dạy trực tuyến

Điều 10, HVu_chung

Giảng viên phải dùng hệ thống hỗ trợ giảng dạy trực tuyến (Bách khoa e-learning - BKeL) trong hoạt động giảng dạy. Các thông tin sau đây cần phải đưa lên hệ thống này:

- Đề cương học phần được sử dụng trong học kỳ. Đề cương phải đưa lên ngay trước tuần đầu tiên của lớp học.
- Các bài giảng (slide bài giảng). Có nội dung phù hợp với nội dung bài giảng thực giảng trên lớp.
- Đề kiểm tra và đáp án kiểm tra (nếu có tổ chức kiểm tra). Đưa lên sau khi tổ chức kiểm tra. Nếu là đề kiểm tra trắc nghiệm, đưa một đề kiểm tra mẫu và đáp án.
- Đề thi và đáp án thi. Đưa lên sau khi tổ chức thi. Nếu là đề thi trắc nghiệm, đưa một đề thi mẫu và đáp án.
- Kết quả đánh giá học phần, kể cả các điểm thành phần.
- Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên.

Đối với các phần học hướng dẫn thảo luận, thí nghiệm của một học phần, các lớp học phần có thể được chia khác với các lớp học phần lý thuyết. Trong các trường hợp đó, giảng viên thực hiện theo quy định trên như một học phần bình thường, tuy nhiên bài giảng sẽ là tài liệu hướng dẫn thảo luận, thí nghiệm.

Điều 11. An toàn và chặt chẽ trong thí nghiệm, thực tập ngoài trường

Điều 11, HVu_chung

11.1 An toàn trong thí nghiệm

Sinh viên phải có sự chuẩn bị sẵn sàng và nắm vững nội dung thí nghiệm và các quy định an toàn trước khi thực hiện thí nghiệm.

Giảng viên và sinh viên phải đảm bảo an toàn, trật tự theo đúng nội quy phòng thí nghiệm. Chỉ sinh viên có Bảo hiểm Y tế và Bảo hiểm tai nạn mới được vào phòng thí nghiệm để thực hiện bài thí nghiệm.

11.2 Chặt chẽ trong tổ chức thực tập ngoài trường

Các đợt thực tập, tham quan ngoài trường phải được Khoa lập kế hoạch rõ ràng, có địa điểm, thời gian, giảng viên phụ trách, người tham dự và có thỏa thuận với cơ sở về việc thực tập, tham quan. Kế hoạch cũng phải nêu rõ các chi phí và nguồn chi phí (từ trường,

sinh viên, cơ sở, ...).

Khoa gửi kế hoạch và danh sách đoàn thực tập cho các phòng đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các đoàn thực tập trước khi thực tập.

Điều 12, HVu_chung

Điều 12. Quy trình thực hiện đồ án, bài tập lớn, các học phần tốt nghiệp

12.1 Quy trình thực hiện đồ án, bài tập lớn, tiểu luận thành phần

Khoa quy định quy trình thực hiện đồ án chung cho toàn Khoa hoặc cho các học phần cụ thể, trong đó phải có các quy định về đánh giá tiến độ thực hiện một cách liên tục, điều kiện cấm thi và quy cách của bản báo cáo thuyết minh.

12.2 Quy trình thực hiện các học phần tốt nghiệp

Khoa quy định quy trình ra đề tài, phân bố đề tài cho sinh viên và quy trình hướng dẫn, phản biện đề cương luận văn, tiểu luận/khoá luận/luận văn tốt nghiệp và hội đồng bảo vệ tiểu luận/khoá luận/luận văn tốt nghiệp chung cho toàn Khoa. Trong quy trình hướng dẫn, phải có các quy định về đánh giá tiến độ thực hiện một cách liên tục, đánh giá giữa kỳ, điều kiện cấm thi và quy cách của bản báo cáo thuyết minh.

Danh sách phân công hướng dẫn, tên đề tài và người học phải được gửi về Phòng đào tạo để ra các quyết định phân công đề tài (nếu có).

Nếu nội dung hướng dẫn các học phần tốt nghiệp được thực hiện tại một cơ sở ngoài trường, Khoa làm công văn đề nghị kèm theo kế hoạch thực hiện tương tự như các đợt thực tập ngoài trường, Phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định cử sinh viên thực hiện công việc tại cơ sở bên ngoài.

Điều 13, HVu_chung

Điều 13. Công khai trong giảng dạy và đánh giá học phần

13.1 Công khai đề cương học phần

Khoa phải công khai đề cương học phần cho sinh viên trước khi sinh viên thực hiện đăng ký học phần. Đề cương học phần phải nêu rõ chuẩn đầu ra (learning outcome), cách thức học, cách thức đánh giá học phần (bao gồm cả các hình thức và thời lượng kiểm tra, thi và trọng số của các thành phần điểm, điều kiện cấm thi riêng của học phần).

Đối với các học phần hoặc phần học thực tập, thí nghiệm, đề cương học phần phải nêu rõ mục tiêu và nội dung từng bài thực tập, thí nghiệm và các ràng buộc cụ thể về việc vắng mặt, học bù, về việc an toàn trong thực tập, thí nghiệm. Các quy định về an toàn có thể được quy định như nội quy phòng thí nghiệm.

13.2 Công khai kết quả học tập và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải công bố kết quả đánh giá của các lần đánh giá theo đề cương học phần (điểm thành phần) theo đúng kế hoạch đánh giá đã công bố và trước kỳ thi cuối kỳ của học phần.

Tối đa 02 tuần sau khi kiểm tra giữa kỳ, giảng viên phải công bố kết quả kiểm tra cho sinh viên, bài làm của sinh viên và các lưu ý cho sinh viên.

Sau khi kết thúc lớp học, giảng viên phải công bố kết quả học tập của sinh viên và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra (cho từng chuẩn đầu ra) cho sinh viên. Thời điểm công bố là tối đa 02 tuần sau khi thi và trước khi nộp điểm.

Thời điểm tối đa để giảng viên nộp điểm về các phòng đào tạo của nhà trường là 02 tuần từ ngày thi; hoặc 01 tuần từ ngày thi dạng vấn đáp, bảo vệ hội đồng; hoặc 02 tuần từ sau ngày thi cuối cùng theo biểu hoạch học tập học kỳ đối với các học phần không có lịch thi.

13.3 Giảng dạy các học phần có nhiều nhóm lớp trong học kỳ

Các giảng viên dạy các học phần có nhiều nhóm lớp trong cùng một học kỳ phải đảm bảo giảng dạy đúng đề cương học phần đã công bố, đảm bảo tiến độ chung của tất cả các nhóm lớp để không ảnh hưởng đến quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Điều 14. Tổ chức các lớp học phần

14.1 Hình thức tổ chức lớp học phần

Tuỳ theo hình thức tổ chức lớp học phần, các lớp học phần được đặt tên gọi nhớ để thuận tiện trong công tác quản lý như:

- Lớp học phần chính quy (lớp chính quy) mở trong các học kỳ chính, ngoại trừ học phần thực tập ngoài trường thường được mở trong học kỳ hè, theo kế hoạch giảng dạy, chủ yếu trong giờ hành chính.
- Lớp học phần dự thính (lớp dự thính) mở trong các học kỳ chính hoặc học kỳ phụ, theo nhu cầu của sinh viên, có giờ học chủ yếu ngoài giờ hành chính hoặc linh động.
- Lớp học phần ngoài giờ (lớp tối) mở trong các học kỳ chính hoặc học kỳ phụ, chủ yếu dành cho các sinh viên vừa làm vừa học, có giờ học chủ yếu là ngoài giờ hành chính.
- Lớp học phần chuyên biệt dành cho từng chương trình, loại hình riêng như lớp dành cho chương trình Kỹ sư Việt-Pháp, chương trình Chất lượng cao, Chương trình Tài năng, … Chỉ các sinh viên đúng chương trình, loại hình riêng này, hoặc một số tình huống ngoại lệ, mới được đăng ký học.

14.2 Giới hạn sĩ số của lớp học phần

Số lượng sinh viên trong mỗi lớp học phần (gọi tắt là sĩ số) được giới hạn bởi loại học phần, loại hình lớp học, sức chứa phòng học hoặc theo quy định riêng.

Sĩ số lớp học phần của một số loại học phần trung bình như sau:

- Các học phần đại cương, toàn trường: 140 hoặc lớn hơn và theo sức chứa của các phòng học;
- Các học phần cơ sở toàn khoa: 100 - 120;
- Các học phần cơ sở ngành: 60 - 80;
- Các học phần ngành, chuyên ngành: 40 - 60;
- Các học phần thực hành, thực tập, thí nghiệm: 40 – 60; hoặc theo sức chứa của các phòng thí nghiệm đặc thù, trung bình từ 25 – 35.

Sĩ số tối đa của các lớp học phần có thể cao hơn quy định trên, theo sức chứa của các phòng học và theo nhu cầu của các Khoa.

Sĩ số tối thiểu để có thể mở lớp học phần như sau:

- Các học phần đại cương, toàn trường: 60;
- Các học phần cơ sở toàn khoa: 60;
- Các học phần cơ sở ngành: 40;
- Các học phần ngành, chuyên ngành: 30 hoặc 15 cho các chuyên ngành rất hẹp, đặc biệt;
- Các học phần thực hành, thực tập, thí nghiệm: 15.

Sĩ số tối thiểu chỉ dùng trong các trường hợp đặc biệt, trên nguyên tắc cân đối chi phí vận hành.

Các lớp học phần của các chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến, có sĩ số trong khoảng 60 - 80 cho các học phần đại cương và khoảng 30 - 45 cho các học phần khác.

Các lớp học phần của các học phần tổ chức theo dạng hướng dẫn tự học như đồ án, khoá luận tốt nghiệp có sĩ số theo số lượng sinh viên được phân công cho giảng viên hướng dẫn.

Trong các trường hợp đặc biệt, được sự đồng ý về chuyên môn của Khoa, hình thức giảng dạy của một lớp học phần có thể chuyển sang dạng hướng dẫn tự học với giảng viên. Trường hợp này, sĩ số lớp học phần cho phép tối thiểu là 1 và tối đa là 10.

Điều 15. Đăng ký học phần

15.1 Quy định chung về đăng ký học phần

Trong mỗi học kỳ chính học tại trường, sinh viên phải đăng ký học phần và có thời khóa biểu chính thức.

Sinh viên tự đăng ký học phần theo lịch học vụ của nhà trường. Riêng sinh viên chính quy năm thứ nhất được xếp sẵn thời khóa biểu cố định theo kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo ngành cho học kỳ đầu tiên.

Khi đăng ký học phần, các học phần đang học và chưa có kết quả đánh giá học phần, sinh viên được xem như đạt để xem xét các điều kiện tiên quyết và ràng buộc khác (như số tín chỉ tích luỹ). Việc hậu kiểm các điều kiện tiên quyết sẽ được tiến hành sau khi các học phần đã hoàn thành đánh giá.

Ở mỗi học kỳ, sinh viên chỉ được phép đăng ký duy nhất một lớp học phần cho mỗi học phần, bao gồm các hình thức tổ chức học phần khác nhau.

Sinh viên phải đạt Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh để đăng ký các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.

Sinh viên phải đăng ký đúng vào các lớp học phần mở cho từng loại hình, hình thức đào tạo, chương trình phù hợp. Trường hợp đăng ký khác, sinh viên cần sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình và sẽ được tính học phí phù hợp với từng diện sinh viên và từng loại hình, hình thức đào tạo, chương trình.

15.2 Đăng ký học phần ở bậc cao học để miễn học phần bậc đại học

Trong chương trình liên thông Đại học-Thạc sĩ, một số học phần bậc cao học có thể thay thế cho một số học phần tương ứng ở bậc đại học. Sau khi sinh viên chương trình liên thông đăng ký học các học phần ở bậc cao học, Phòng Đào tạo Sau Đại học báo cho Phòng Đào tạo danh sách các học phần tương ứng ở bậc đại học. Các học phần này sẽ được đưa vào danh sách đăng ký học phần của sinh viên, không hiển thị thời khoá biểu, được tính vào số tín chỉ đăng ký của học kỳ, không tính học phí ở bậc đại học.

15.3 Số tín chỉ đăng ký tối đa, tối thiểu trong một học kỳ chính

Số tín chỉ thiết kế cho một học kỳ chính được tính toán theo hướng phân bổ đều các học phần trong suốt thời gian đào tạo và đảm bảo thời gian học tập, làm việc của sinh viên phù hợp với thời gian làm việc theo quy định của pháp luật.

Số tín chỉ thiết kế trung bình cho một học kỳ chính của hình thức chính quy là 17 tín chỉ và của hình thức vừa làm vừa học là 14.

Số tín chỉ tối thiểu của sinh viên trong một học kỳ chính như sau:

- Sinh viên chính quy: 14 tín chỉ.
  Trường hợp đặc biệt (học lực yếu, hoặc vì lý do sức khoẻ), sinh viên được phép học tối thiểu 11 tín chỉ và áp dụng tối đa trong 02 học kỳ.
- Sinh viên vừa làm vừa học, đào tạo từ xa: 11 tín chỉ.
  Trường hợp đặc biệt (học lực yếu, hoặc vì lý do sức khoẻ, hoặc vì lý do công việc), sinh viên được phép học tối thiểu 09 tín chỉ và áp dụng tối đa trong 03 học kỳ.

Số tín chỉ tối đa của sinh viên được phép học trong một học kỳ chính như sau:

- Sinh viên chính quy: 21 tín chỉ.
  Trường hợp có học lực đạt từ loại giỏi và được sự đồng ý của Khoa quản lý, sinh viên được phép học tối đa 25 tín chỉ.
- Sinh viên vừa làm vừa học, đào tạo từ xa: 17 tín chỉ.

Trường hợp có học lực đạt từ loại giỏi và được sự đồng ý của Khoa quản lý, sinh viên được phép học tối đa 19 tín chỉ.

Ngoài ra, khi có đăng ký các lớp dự thính, sinh viên chính quy được phép học tối đa 10 tín chỉ các lớp dự thính trong học kỳ chính, tuy nhiên, tổng số tín chỉ tối đa gồm cả số tín chỉ các lớp dự thính trong một học kỳ chính của một sinh viên chính quy là 28 tín chỉ.

15.4 Ràng buộc trình độ năm học của sinh viên và cấp độ học phần

Trình độ năm học của sinh viên (Điều 24) và cấp độ học phần được ràng buộc như sau:

- Học phần cấp độ một: dành cho tất cả các sinh viên;
- Học phần cấp độ hai: dành cho các sinh viên có trình độ năm học từ năm thứ hai trở lên;
- Học phần cấp độ ba, tư và năm: dành cho sinh viên có trình độ năm học từ năm thứ ba trở lên.

15.5 Đăng ký các học phần tốt nghiệp

Các học phần tốt nghiệp (Thực tập ngoài trường, Đồ án chuyên ngành, Khoá luận tốt nghiệp) được thiết kế vào cuối chương trình đào tạo. Sinh viên phải hoàn thành điều kiện về chuẩn ngoại ngữ và số tín chỉ tích luỹ ngành trước khi được phép đăng ký các học phần này.

Sinh viên phải tích luỹ đủ ít nhất 65% số tín chỉ của chương trình đào tạo để đăng ký học phần Thực tập ngoài trường.

Sinh viên phải tích luỹ đủ ít nhất 70% số tín chỉ của chương trình đào tạo để đăng ký học phần Đồ án chuyên ngành.

Sinh viên phải tích luỹ số đủ ít nhất 85% số tín chỉ của chương trình đào tạo, hoàn thành tối thiểu 70% chương trình rèn luyện sinh viên theo quy định của trường và đạt Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp để đăng ký học phần Khoá luận tốt nghiệp.

Ngoài ra, sinh viên phải thoả mãn các điều kiện ràng buộc tiên quyết, song hành của các học phần tốt nghiệp như sau:

- Thực tập ngoài trường là học phần song hành của Đồ án chuyên ngành;
- Thực tập ngoài trường và Đồ án chuyên ngành là học phần tiên quyết của Khoá luận tốt nghiệp.

15.6 Đăng ký các học phần đặc biệt

Chương trình giáo dục Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là TT GDQPAN) tổ chức. Sinh viên được bố trí học theo lịch thống nhất chung của nhà trường và TT GDQPAN. Các sinh viên học lại chương trình này hoặc một số học phần trong chương trình, đăng ký học trực tiếp với TT GDQPAN. Sinh viên được miễn học chương trình này khi có chứng chỉ Giáo dục Quốc Phòng - An ninh hợp lệ, hoặc đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc các trường hợp khác theo quy định của TT GDQPAN và của nhà nước.

Chương trình Giáo dục Thể chất do Trung tâm Giáo dục Thể chất Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là TT GDTC) phụ trách, được tổ chức đăng ký học theo lịch chung của TT GDTC và phối hợp với kế hoạch học tập của nhà trường. Sinh viên được miễn học chương trình này khi có chứng chỉ Giáo dục Thể chất hợp lệ hoặc theo các quy định của TT GDTC.

Điều 16. Huỷ đăng ký, rút đăng ký học phần

Điều 6, HVu_ĐH

16.1 Huỷ đăng ký học phần

Trong thời gian đăng ký học phần và trước khi học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký và huỷ đăng ký các học phần.

Sau thời gian đăng ký học phần, nhà trường thực hiện công tác hậu kiểm và có thể huỷ một số học phần đã đăng ký của sinh viên khi không đủ hoặc vi phạm điều kiện đăng ký (điều kiện tiên quyết, số tín chỉ tối đa, ...) hay không đủ điều kiện mở lớp (sĩ số ít hơn quy định, trùng giờ, ...) và các tình huống bất khả kháng khác (giảng viên, phòng học, ...).

Các học phần huỷ đăng ký sẽ không được xếp thời khoá biểu và không bị tính học phí. Trường hợp gian dối, sinh viên sẽ bị kỷ luật và vẫn bị tính học phí cho các học phần này.

16.2 Rút đăng ký học phần

Sinh viên có thể đăng ký rút học phần đã đăng ký để nhận điểm rút học phần. Học phần rút sẽ được xoá thời khoá biểu, xoá tên trong danh sách lớp, không tính vào số tín chỉ học kỳ, và vẫn tính học phí.

Việc rút đăng ký học phần phải được thực hiện trước 02 tuần so với tuần kết thúc học kỳ và trước ngày thi đối với các học phần có tổ chức thi. Việc rút đăng ký học phần phải đảm bảo số tín chỉ tối thiểu học kỳ như quy định.

Chương 5. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 14, HVu_chung

Điều 17. Đánh giá và tính điểm học phần

17.1 Điểm thành phần

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần. Đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

17.2 Tính điểm học phần

Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại khoản 17.3 trong điều này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A+: từ 9,5 đến 10,0;

A : từ 8,5 đến 9,4;

B+: từ 8,0 đến 8,4;

B : từ 7,0 đến 7,9;

C+: từ 6,5 đến 6,9;

C : từ 5,5 đến 6,4;

D+: từ 5,0 đến 5,4;

D : từ 4,0 đến 4,9.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

17.3 Điểm đặc biệt

Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

W: Điểm học phần đã rút đăng ký học, không công nhận tín chỉ;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

Điều 18. Quy định thêm về đánh giá học phần *Điều 7, HVu_ĐH*

18.1 Ràng buộc điểm thành phần và điểm tổng kết

Đối với các học phần có thí nghiệm, sinh viên sẽ bị cấm thi nếu có điểm nhỏ hơn 4,0 (thang điểm 10).

Đề cương học phần quy định chi tiết các điều kiện ràng buộc khác về điểm thành phần và điểm tổng kết, đảm bảo đúng quy định, chất lượng học tập và công bằng cho các sinh viên trong cùng học kỳ.

18.2 Điểm tổng kết các trường hợp riêng

Một số trường hợp chỉ có điểm tổng kết, không có điểm thành phần như học phần đồ án, thực tập, học phần tốt nghiệp, … Các môn học đánh giá bằng hình thức bảo vệ thì điểm tổng kết là điểm bảo vệ cuối kỳ. Các học phần/phần học thí nghiệm tính điểm tổng kết từ điểm của các bài thí nghiệm (nhân với trọng số của chúng) và /hoặc điểm thi thí nghiệm (nhân với trọng số của điểm thi).

Điểm tổng kết học phần tốt nghiệp được tính từ trung bình cộng của các điểm cho bởi các thành viên của hội đồng, của người hướng dẫn và của người phản biện và được làm tròn đến 0,1. Các điểm cho bởi các thành viên của hội đồng, của người hướng dẫn và của người phản biện không được lệch nhau quá 2,0 điểm. Trường hợp lệch quá 2,0 điểm thì hội đồng phải hội ý, xem xét để điều chỉnh phù hợp và điểm cuối cùng được quyết định bởi tập thể hội đồng. Trong đó, khi bỏ phiếu lấy ý kiến, thì phiếu của Chủ tịch Hội đồng có trọng số cao hơn 10% so với các thành viên khác của hội đồng. Tất cả các ý kiến và kết luận cuối cùng phải được ghi vào biên bản hội đồng.

18.3 Điểm đạt của các học phần tốt nghiệp

Kết quả của các học phần tốt nghiệp (Thực tập ngoài trường, Đồ án chuyên ngành, Khóa luận tốt nghiệp) chỉ được xếp là đạt khi có điểm đánh giá từ mức C trở lên (từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10).

Điều 19. Chuyển điểm, miễn điểm *Điều 8, HVu_ĐH*

19.1 Điểm học phần tương đương, thay thế

Sinh viên học đạt các học phần khác tương đương, thay thế cho các học phần gốc trong chương trình đào tạo, sinh viên sẽ nhận điểm miễn các học phần gốc, tính tích luỹ tín chỉ, không tính vào điểm trung bình tích luỹ ngành.

19.2 Chương trình liên thông Đại học-Thạc sĩ

Sinh viên chương trình liên thông Đại học-Thạc sĩ, khi có kết quả đạt các học phần ở bậc cao học, được đăng ký miễn điểm cho một số học phần tương ứng ở bậc đại học. Đối với chương trình tài năng, các học phần miễn ở bậc đại học không là các học phần tài năng.

19.3 Chương trình song ngành với cơ sở đào tạo khác

Sinh viên chương trình song ngành theo hướng bằng thứ hai với cơ sở đào tạo khác được xét công nhận tín chỉ và miễn các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo cấp bằng thứ hai của nhà trường đối với các học phần sinh viên tích luỹ ở cơ sở đào tạo của mình.

Điều 20. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học *Điều 15, HVu_chung*

20.1 Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học.

Sinh viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ tích luỹ học kỳ là tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã học đạt trong một học kỳ;
- Số tín chỉ tích luỹ là tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học, tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ. Trường hợp sinh viên tích luỹ nhiều hơn số tín chỉ yêu cầu của một nhóm tự chọn, chỉ số tín chỉ yêu cầu của nhóm tự chọn được tính vào số tín chỉ tích luỹ;
- Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ, tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó;
- Điểm trung bình tích luỹ là điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học tính từ đầu khóa học, tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó. Trường hợp sinh viên tích luỹ nhiều hơn số học phần yêu cầu của một nhóm tự chọn, chọn các học phần trong số này để tính điểm trung bình tích luỹ sao cho đảm bảo đủ số tín chỉ yêu cầu của nhóm tự chọn, đồng thời làm kết quả tính điểm trung bình tích luỹ đạt cao nhất.

Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A+ quy đổi thành 4,0;

A quy đổi thành 4,0;

B+ quy đổi thành 3,5;

B quy đổi thành 3,0;

C+ quy đổi thành 2,5;

C quy đổi thành 2,0;

D+ quy đổi thành 1,5;

D quy đổi thành 1,0;

F quy đổi thành 0,0.

Những điểm chữ không được quy định như trên không được tính vào các điểm trung bình.

20.2 Xếp loại học lực

Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

Điều 16, HVu_chung

Điều 21. Cấm thi, vắng thi, miễn thi, thi sớm hoặc muộn

21.1 Cấm thi

Sinh viên vi phạm quy định đào tạo - học vụ hoặc thuộc vào các điều kiện ràng buộc riêng trong đề cương học phần có thể bị cấm thi và nhận điểm 0 cho học phần. Các quy định về cấm thi trong đề cương học phần không được vượt quá thẩm quyền so với các quy định về đào tạo - học vụ.

21.2 Vắng thi, hoãn thi

Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0.

Trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng ở buổi thi cuối kỳ, và không phải thuộc diện cấm thi, sinh viên được hoãn thi và nhận điểm I. Sinh viên được dự thi để lấy điểm thay thế cho điểm I ở lần tổ chức thi của học phần này ở trong cùng học kỳ hoặc kỳ thi ở các học kỳ sau và trong thời hạn tối đa một năm. Trong trường hợp học phần này không tổ chức trong vòng một năm, nhà trường có thể xem xét tổ chức thi riêng để sinh viên hoàn thành học phần. Sinh viên không dự thi theo các điều kiện trên sẽ nhận điểm 0.

Ngoài ra, trong các trường hợp đặc biệt, như để khuyến khích sinh viên tham dự các kỳ thi học thuật cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong trường hợp đặc biệt khác, nhà trường có quyền ra quyết định dùng một điểm số khác thay thế cho điểm I.

Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở các buổi đánh giá điểm thành phần khác của học phần được phép dự đánh giá ở một đợt khác trong cùng học kỳ do giảng viên đề nghị, Bộ môn và Khoa tổ chức. Trong trường hợp cần thiết, giảng viên đề nghị và được Bộ môn và Khoa đồng ý dùng các điểm thành phần khác, kể cả điểm thi cuối kỳ, để thay thế cho điểm thành phần này.

Sinh viên phải thực hiện các thủ tục đăng ký hoãn thi, vắng thi trước khi thi hoặc sau khi thi chậm nhất là 05 ngày làm việc với Phòng đào tạo. Trường hợp đặc biệt khác trễ hơn thời hạn nêu trên, Hiệu trưởng nhà trường xem xét quyết định.

21.3 Miễn thi

Trong một số trường hợp đặc biệt, khi sinh viên đạt được các thành tích học thuật xuất sắc trong học kỳ, sinh viên có thể được miễn kiểm tra, thi và nhận điểm.Trưởng Khoa hoặc các đơn vị liên quan gửi đề nghị kèm theo các minh chứng về các phòng đào tạo để ra các quyết định miễn kiểm tra, thi và nhận điểm.

21.4 Thi sớm hoặc muộn

Nhà trường có thể tổ chức kiểm tra, thi sớm hoặc muộn cho một số sinh viên trong các trường hợp cần thiết. Công văn đề nghị tổ chức thi sớm hoặc muộn do Trưởng Khoa gửi cho các phòng đào tạo để phối hợp tổ chức.

Điều 22. Học lại, thi và học cải thiện điểm

Điều 17, HVu_chung

Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm. Điểm học cao nhất trong các lần học là điểm chính thức của học phần.

Trong trường hợp cần thiết, giảng viên đề xuất và được Bộ môn và Khoa đồng ý cho phép sinh viên đánh giá lại một điểm thành phần, ngoại trừ điểm thi cuối kỳ, để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm D. Các phòng đào tạo ban hành điều kiện và quy trình đánh giá lại điểm thành phần trong trường hợp này.

Điều 23. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

Điều 18, HVu_chung

23.1 Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

Khoa thành lập các hội đồng chuyên môn để xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

Chỉ có các học phần đã học và thoả mãn các điều kiện sau mới được xem xét công nhận, chuyển đổi:

- Có kết quả đạt, đối với loại không phân mức, hoặc đạt từ loại C trở lên, đối với loại đạt có phân mức;
- Thời điểm hoàn thành học phần không quá 05 năm, ngoại trừ các học phần thuộc khối kiến thức toán, khoa học tự nhiên, chính trị xã hội pháp luật và cơ sở ngành, tính đến thời điểm xem xét.

Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

23.2 Các trường hợp được xem xét

Sinh viên được xem xét công nhận, chuyển đổi trong các trường hợp sau:

- Khi xét tuyển sinh hoặc khi chuyển ngành, chuyển chương trình, chuyển trường, sinh viên sẽ được xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ một lần;
- Trong quá trình học, sinh viên tham gia các chương trình trao đổi học tập hoặc tích luỹ các tín chỉ ở các cở sở đào tạo có trong thoả thuận hợp tác với nhà trường, hoặc theo quy định của các cấp có thẩm quyền.

Các phòng đào tạo quy định quy trình xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ.

Điều 24. Xếp trình độ năm học cho sinh viên *Điều 9, HVu_DH*

Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M) và các ràng buộc khác, cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm hai;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm ba;
- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư;
- Trình độ năm thứ năm: $4M \leq N < 5M$ và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư.

Khi xếp trình độ năm học làm căn cứ ràng buộc trong đăng ký học phần, M được tính là 85% số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn.

M được quy định cụ thể như sau:

Hình thức đào tạo	**M**	
	Kế hoạch	**Khi đăng ký học phần**
Chính quy	33	28
Vừa làm vừa học, đào tạo từ xa	26	22

Ngoài ra, sinh viên phải hoàn thành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục Thể chất để có thể được xếp trình độ từ năm thứ ba.

Điều 25. Các hình thức đánh giá học phần *Điều 19, HVu_chung*

25.1 Các hình thức đánh giá học phần

Mỗi học phần có thể có nhiều hình thức đánh giá, như trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, bài luận, sản phẩm, bảo vệ trước tập thể giảng viên hay hội đồng. Một bài đánh giá có thể bao gồm nhiều hình thức đánh giá.

25.2 Đánh giá bằng hình thức vấn đáp

Vấn đáp là hình thức đánh giá bằng cách giảng viên hỏi và sinh viên phát biểu trả lời. Phải có ít nhất 02 giảng viên cùng chấm vấn đáp cho mỗi sinh viên.

Trường hợp điểm vấn đáp theo thang điểm số, điểm tổng kết của sinh viên là trung bình cộng của các giảng viên chấm thi, được làm tròn tới một số lẻ. Trường hợp điểm của các giảng viên chấm thi lệch quá 02 điểm (thang điểm 10), các giảng viên cần thống nhất lại. Trường hợp điểm thi vấn đáp theo thang điểm khác như Đạt/Không đạt, … các giảng viên phải thống nhất kết quả cuối cùng hoặc quy đổi về thang điểm số, tính trung bình cộng và quy về thang điểm ban đầu. Trong trường hợp các giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm cuối cùng, các giảng viên trình Chủ nhiệm Bộ môn quyết định kết quả cuối cùng.

Trong phòng đánh giá, giảng viên lần lượt gọi sinh viên bốc thăm đề thi, và cho phép sinh viên có nhiều nhất là 10 phút chuẩn bị trước khi được gọi lên trình bày. Các giảng viên chấm thi được phép đặt câu hỏi thêm ngoài các câu hỏi ghi trong đề thi để làm rõ hơn phần trả lời của sinh viên. Các câu hỏi sẽ được đưa ra sao cho giảng viên có thể đánh giá được mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên đối với học phần và cho điểm theo thang điểm quy định.

Kết quả chấm vấn đáp phải công bố công khai cho sinh viên sau mỗi buổi thi.

25.3 Bài luận, sản phẩm

Bài luận, sản phẩm là hình thức đánh giá yêu cầu sinh viên phải thực hiện bài luận hoặc/và sản phẩm và nộp bài theo thời gian quy định của học phần. Sản phẩm bắt buộc phải có bài luận kèm theo. Bài luận, sản phẩm có thể được thực hiện theo từng cá nhân hoặc nhóm. Giảng viên hoặc tập thể giảng viên thực hiện chấm bài luận, sản phẩm. Việc chấm bài có thể bao gồm việc yêu cầu sinh viên thuyết trình, hoặc giải thích thêm. Trường hợp chấm tập thể, vấn đề lệch điểm giữa các giảng viên được giải quyết như hình thức vấn đáp.

25.4 Bảo vệ hội đồng

Bảo vệ hội đồng là hình thức sinh viên trình bày bài làm của mình trước hội đồng chấm bài. Hội đồng phải là số lẻ và gồm ít nhất 03 thành viên.

Các học phần đồ án, thực tập ngoài trường được chấm theo hình thức bảo vệ hội đồng. Kết quả đánh giá là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, được làm tròn tới một số lẻ. Vấn đề lệch điểm giữa các thành viên được giải quyết như hình thức vấn đáp.

Riêng môn thực tập ngoài trường, cần phải tham khảo đánh giá thực tập từ phía cơ sở thực tập khi đánh giá kết quả cuối cùng. Khoa cũng có thể mời các đại diện phía các cơ sở thực tập cùng tham gia chấm bài.

Các học phần tốt nghiệp được chấm theo hình thức bảo vệ hội đồng. Quy định về thành phần hội đồng, cách chấm điểm, làm tròn điểm và trường hợp lệch điểm được quy định riêng cho từng loại học phần tốt nghiệp và bậc học.

Điều 26. Công bằng và minh bạch trong đánh giá học phần

Điều 20, HVu_chung

Khi đánh giá học phần, phải đảm bảo tính công bằng giữa những sinh viên của cùng một học phần của bất kỳ hình thức đào tạo nào trong cùng một học kỳ.

Việc đánh giá học phần phải đồng thời đánh giá chuẩn đầu ra của học phần.

Mỗi phương thức đánh giá dùng cho một học phần trong một học kỳ phải có đáp án hay hướng dẫn chấm bài hay tiêu chí chấm bài (gọi chung là đáp án).

Điều 21, HVu_chung

Điều 27. Thời lượng kiểm tra, thi

Tổng thời lượng kiểm tra và thi theo hình thức trắc nghiệm, tự luận của một học phần không vượt quá số tín chỉ nhân với 50 phút. Trong đó, thời lượng kiểm tra không vượt quá thời lượng thi của cùng một học phần trong cùng một học kỳ.

Một phiên kiểm tra hoặc thi theo hình thức trắc nghiệm, tự luận của một học phần có thời lượng là một trong các thời lượng sau: 50', 60', 70', 80', 90', 100', 110', 120', 130', 140', 150'. Trong đó, thời lượng kiểm tra hoặc thi theo hình thức trắc nghiệm không quá 90'.

Điều 22, HVu_chung

Điều 28. Phúc tra, đề nghị sửa điểm, bổ sung điểm

Trong trường hợp cần thiết, khi có dấu hiệu bất thường, Khoa, nhà trường có thể yêu cầu chấm kiểm tra một số bài kiểm tra hay thi. Việc chấm lại có thể bao gồm tổ chức lại vấn đáp hay bảo vệ hội đồng. Trong các trường hợp này, phải có sự thay đổi về giảng viên chấm thi hay thành viên các hội đồng. Thời hạn chấm kiểm tra theo thời hạn lưu trữ bài thi.

Sinh viên có thể yêu cầu chấm phúc tra bài thi tự luận. Thời hạn yêu cầu chấm phúc tra là tối đa 01 tháng sau ngày công bố kết quả và chỉ được yêu cầu chấm phúc tra 01 lần cho một học phần trong học kỳ.

Giảng viên có thể đề nghị sửa điểm, bổ sung điểm sau khi nộp điểm nếu phát hiện có sai sót. Thời hạn đề nghị sửa điểm tối đa 01 tháng sau ngày nộp điểm.

Kết quả chấm lại, phúc tra, sửa điểm là kết quả cuối cùng.

Các phòng đào tạo quy định quy trình đề nghị chấm phúc tra, sửa điểm.

Chương 6. HỌC PHÍ

Điều 23, HVu_chung

Điều 29. Học phí

29.1 Cách tính học phí

Nhà trường có hai cách tính học phí, áp dụng cho các bậc, chương trình, hình thức và khoá đào tạo khác nhau:

- Tính theo tín chỉ: Học phí được tính bằng số tín chỉ (hoặc đơn vị học phần, gọi chung là tín chỉ) đăng ký nhân với đơn giá mỗi tín chỉ. Một số học phần có số tín chỉ tính học phí khác với số tín chỉ trong chương trình đào tạo do có sự khác biệt về cách xác định tín chỉ. Một số học phần được định đơn giá cụ thể không theo tín chỉ.
- Tính theo học kỳ: Học phí được tính theo học kỳ, cho phép sinh viên đăng ký học một ngưỡng tối đa số tín chỉ tuỳ theo bậc học, chương trình và hình thức đào tạo. Học phí phần tín chỉ vượt ngưỡng tối đa được tính theo tín chỉ. Học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính vào học phí học kỳ 2 ngay trước đó.

Học phí các học phần theo quy định của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh như Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục Thể chất học theo lịch học của nhà trường theo biểu đồ học tập, được trường thu hộ và chuyển cho các đơn vị liên quan.

Các lớp học phần của bậc đại học hình thức chính quy khi tổ chức ngoài giờ hoặc ngoài giờ linh hoạt, theo nhu cầu của sinh viên (tổ chức dạng dự thính) được tính học phí theo tín chỉ theo đơn giá dành riêng.

Sinh viên chuyển khóa học đến khóa sau, được tính học phí theo nguyên tắc của khoá sau.

Sinh viên đã hết thời gian đào tạo chuẩn được tính học phí theo nguyên tắc bù đắp chi phí đào tạo.

Sinh viên học khác bậc đào tạo, chương trình, hình thức đào tạo hoặc hình thức tổ chức lớp, được tính học phí theo đơn giá cao nhất của các loại hình này và cao nhất so với hình thức đào tạo, chương trình của sinh viên.

29.2 Thanh toán học phí

Sinh viên phải thanh toán học phí đủ và đúng hạn để hoàn tất đăng ký học phần và có lịch học. Nhà trường có thể yêu cầu sinh viên tạm nộp trước toàn bộ hoặc một phần học phí để đảm bảo việc tổ chức lớp học đạt hiệu quả tốt.

29.3 Miễn, giảm, hoãn học phí

Sinh viên diện được xét miễn, giảm học phí theo chính sách thực hiện theo quy trình của nhà trường.

Các trường hợp gặp khó khăn đột xuất, sinh viên có thể xin hoãn nộp học phí hoặc các hỗ trợ tài chính khác. Nhà trường chỉ xét hoãn, miễn hay giảm học phí và các hỗ trợ tài chính khác cho sinh viên đại học chính quy bằng thứ nhất tại các học kỳ chính, không xét cho các học kỳ phụ và các lớp dự thính và không xem xét trường hợp hoãn học phí trong hai học kỳ chính liên tiếp.

29.4 Hoàn trả học phí

Sinh viên được xem xét hoàn trả học phí trong trường hợp thanh toán học phí dư, phần dư của học phí tạm ứng sau khi khấu trừ học phí và một số trường hợp đặc biệt khác. Phần dư của học phí tạm ứng có thể được dùng để cấn trừ vào học phí của học kỳ kế tiếp.

Điều 30. Lịch thanh toán học phí

Điều 13, HVu_ĐH

Học phí các học kỳ chính, lớp chính quy được thu theo lịch học vụ. Học phí các học kỳ phụ, các lớp tối, lớp dự thính được thu trước khi bắt đầu học.

Trường hợp cần thiết, học phí hoặc một phần học phí sẽ được yêu cầu tạm nộp trước khi đăng ký học phần hoặc trước khi bắt đầu học kỳ.

Chương 7. TỐT NGHIỆP

Điều 31. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

Điều 10, HVu_ĐH

31.1 Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
b) Hoàn thành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh và chương trình Giáo dục Thể chất;
c) Hoàn thành chương trình rèn luyện sinh viên theo quy định của nhà trường;
d) Đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp và các chuẩn khác của nhà trường;
e) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
f) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Trường xét và công nhận tốt nghiệp trong các học kỳ chính, vào khoảng cuối mỗi tháng.

31.2 Cấp bằng tốt nghiệp

Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được hiệu trưởng nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với nhà trường.

Trường có thể cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên có giá trị từ ngày cấp đến ngày nhận bằng tốt nghiệp và trong tối đa 06 tháng. Giấy này không thay thế cho bằng tốt nghiệp.

Chương 8. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 24, HVu_chung

Điều 32. Nghỉ học tạm thời, thôi học

32.1 Nghỉ học tạm thời

Sinh viên được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế, hoặc thực hiện các nhiệm vụ quốc gia, của ngành;
c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học, hoặc xem xét kỷ luật.

Thời gian nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân được tính vào thời gian học chính thức. Sinh viên chỉ được phép nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân từng học kỳ và được gia hạn tối đa 01 học kỳ kế tiếp và tối đa 04 học kỳ trong suốt thời gian học tại trường.

Thời điểm nộp hồ sơ nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân chậm nhất là tuần thứ 04 tính từ đầu học kỳ. Học phí của học kỳ nghỉ học tạm thời được xem xét giảm hoặc huỷ bỏ.

Sau thời hạn nghỉ học tạm thời, sinh viên phải làm thủ tục thu nhận lại để tiếp tục việc học. Sinh viên sẽ bị xoá tên nếu nghỉ học tạm thời quá hạn.

32.2 Thôi học

Sinh viên được xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Sinh viên đã thôi học vì lý do cá nhân muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 11, HVu_DH

Điều 33. Phân ngành, phân chuyên ngành

33.1 Phân ngành

Sinh viên trúng tuyển vào nhóm ngành sẽ được phân ngành từ năm thứ hai theo kế hoạch của từng Khoa. Sinh viên có thể được chuyển ngành trong cùng nhóm ngành tuyển sinh sau khi đã được phân ngành nếu có lý do chính đáng và được sự đồng ý của Trưởng Khoa.

Khoa chuyển thông tin về phân ngành cho Phòng đào tạo ngay sau khi phân ngành để làm căn cứ xét cho sinh viên đăng ký môn học, tổ chức lớp học và xét tốt nghiệp.

33.2 Phân chuyên ngành

Trường không phân chuyên ngành cho sinh viên, ngoại trừ các chuyên ngành được tuyển sinh riêng. Trong quá trình học, sinh viên có thể tích luỹ các tín chỉ chuyên ngành của ngành và được tự do lựa chọn chuyên ngành để tích luỹ tín chỉ. Khi đủ điều kiện tốt nghiệp của ngành đang học, đồng thời thoả điều kiện tốt nghiệp của một hoặc vài chuyên ngành, sinh viên có thể đăng ký tốt nghiệp ngành và các chuyên ngành này và được cấp bằng của ngành. Thông tin tốt nghiệp các chuyên ngành được nêu rõ trong bảng điểm, phụ lục bằng tốt nghiệp.

Trường hợp sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp của ngành, nhưng không thoả mãn điều kiện tốt nghiệp của chuyên ngành nào, chỉ được cấp bằng của ngành và không ghi các thông tin chuyên ngành trong bảng điểm, phụ lục bằng.

Điều 12, HVu_DH

Điều 34. Đào tạo song ngành

34.1 Quy định chung

Trong thời gian đào tạo ngành thứ nhất, sinh viên được đăng ký học và tích lũy các học phần của ngành thứ nhất và của ngành thứ hai.

Ngoại trừ các chương trình đào tạo song ngành tuyển sinh ngay từ đầu, sinh viên được đăng ký học ngành thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của ngành thứ nhất

và muộn nhất là 02 năm trước thời điểm tốt nghiệp ngành thứ hai. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của ngành thứ hai trong năm tuyển sinh, hoặc điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Được sự đồng ý của Trưởng Khoa quản lý ngành thứ hai căn cứ trên các tiêu chí đánh giá về năng lực đào tạo của ngành thứ hai.

34.2 Đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai

Sinh viên học song ngành theo hướng bằng thứ hai chỉ được phép đăng ký các học phần tốt nghiệp của ngành thứ hai sau khi đã hoàn thành học phần tốt nghiệp của ngành thứ nhất; hoặc đăng ký học phần tốt nghiệp dạng song ngành để cùng lúc hoàn thành cả hai học phần tốt nghiệp. Học phần tốt nghiệp dạng song ngành phải do các Khoa quản lý hai ngành sinh viên theo học cùng đồng ý giao đề tài, phân công các giảng viên đồng hướng dẫn và phải được bảo vệ bằng hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp chung của cả hai ngành.

Khi đủ điều kiện tốt nghiệp của cả hai ngành, sinh viên đăng ký tốt nghiệp cả hai ngành và được xét cấp hai bằng cùng lúc. Sinh viên có thể xin thôi học song ngành để chỉ được xét tốt nghiệp và cấp bằng cho ngành thứ nhất.

Trong quá trình học song ngành, sinh viên phải thoả mãn các điều kiện về học lực theo quy định hiện hành và phải tuân thủ các quy định khác của cả hai ngành/hai Khoa quản lý ngành.

34.3 Đào tạo song ngành theo hướng ngành phụ

Sinh viên học song ngành theo hướng ngành phụ không được phép đăng ký các học phần tốt nghiệp của ngành thứ hai. Khi đủ điều kiện tốt nghiệp ngành thứ nhất, đồng thời hoàn thành đủ điều kiện tốt nghiệp ngành phụ, sinh viên đăng ký tốt nghiệp ngành thứ nhất và ngành phụ và được xét cấp bằng cho ngành thứ nhất. Thông tin tốt nghiệp ngành phụ được nêu rõ trong bảng điểm, phụ lục bằng tốt nghiệp nhưng không được cấp thành một văn bằng riêng.

34.4 Đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai với cơ sở đào tạo khác

Sinh viên phải được sự đồng ý của nhà trường trước khi đăng ký tuyển sinh vào chương trình đào tạo song ngành theo hướng bằng thứ hai với cơ sở đào tạo khác.

Sinh viên cơ sở đào tạo khác khi trúng tuyển vào chương trình song ngành theo hướng bằng thứ hai của nhà trường thực hiện đúng quy định của nhà trường về đào tạo, học vụ và quản lý học sinh sinh viên.

Điều 35. Chuyển trường, chuyển nơi học, chuyển ngành, chuyển chương trình, chuyển hình thức đào tạo *Điều 25, HVu_chung*

35.1 Chuyển trường

Trường hợp sinh viên chuyển đến học trường khác, áp dụng quy chế hiện hành.

Sinh viên chương trình Kỹ sư Việt-Pháp ở các trường trong Việt Nam có thể chuyển đến học tại trường theo kết quả kỳ thi phân ngành của Kỹ sư Việt-Pháp, nếu có.

Sinh viên chuyển từ trường khác đến nhà trường phải được các đơn vị quản lý chuyên môn và các phòng đào tạo xem xét căn cứ trên điều kiện tiếp nhận theo quy định và hồ sơ của người chuyển đến để tư vấn cho Hiệu trưởng nhà trường quyết định.

35.2 Chuyển nơi học

Sinh viên tại các cơ sở liên kết đào tạo hoặc sinh viên học tại cơ sở chính của nhà trường, có thể đăng ký học dạng dự thính tại các cơ sở khác với cơ sở đang học tối đa 25% tổng số tín chỉ cần phải học của chương trình đào tạo.

Sinh viên chuyển cơ sở liên kết đào tạo thực hiện như quy định về chuyển trường.

35.3 Chuyển ngành

Sinh viên được xem xét chuyển sang học một ngành đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa đối với trình độ đại học, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định;
b) Đạt điều kiện trúng tuyển của ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;
c) Ngành chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo của khoá tuyển sinh;
d) Được sự đồng ý của các Trưởng Khoa quản lý ngành chuyển đi và ngành chuyển đến.

35.4 Chuyển chương trình

Trường hợp chuyển từ chương trình Kỹ sư Việt-Pháp đến chương trình đại trà, sinh viên sẽ chuyển về ngành ban đầu khi trúng tuyển vào trường trước khi trúng tuyển vào chương trình Kỹ sư Việt-Pháp, hoặc được xem xét như trường hợp chuyển ngành nếu trúng tuyển trực tiếp vào chương trình Kỹ sư Việt-Pháp.

Trường hợp chuyển từ chương trình đại trà đến chương trình Kỹ sư Việt-Pháp, thực hiện theo đề án tuyển sinh của chương trình Kỹ sư Việt-Pháp hoặc theo quy định dành riêng cho chương trình này.

Trường hợp chuyển từ chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến đến chương trình đại trà, áp dụng quy định về chuyển ngành.

Trường hợp chuyển từ chương trình đại trà đến chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến, thực hiện theo đề án tuyển sinh bổ sung vào chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến (nếu có). Trong trường hợp trúng tuyển bổ sung, chỉ các học phần tương ứng với các học phần tổ chức học bằng tiếng Việt của chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến mới được xem xét chuyển đổi kết quả học tập.

35.5 Chuyển hình thức đào tạo

Sinh viên theo hình thức đào tạo chính quy có thể xin chuyển sang hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, nếu ngành đang học có hình thức đào tạo này và còn đủ thời gian đào tạo tối đa theo quy định của hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.

Điều 36. Trao đổi và hợp tác trong đào tạo

Điều 26, HVu_chung

Sinh viên của trường được tham gia trao đổi, tích luỹ tín chỉ ở các cơ sở đào tạo có ký kết hợp tác với nhà trường, các đơn vị thành viên của Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ sở đào tạo nằm trong các chương trình trao đổi sinh viên trường đã tham gia.

Trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần, các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình trao đổi và kết quả học tập của sinh viên sau khi trao đổi, trường ra quyết định công nhận chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên.

Sinh viên phải đăng ký học phần cho các học phần tương ứng dự kiến được công nhận chuyển đổi tín chỉ. Các học phần này không được xếp lịch học. Trong thời gian trao đổi, sinh viên được công nhận là sinh viên chính thức của trường, được miễn các hoạt động rèn luyện sinh viên của trường, nhưng phải tuân thủ đầy đủ các quy định, bao gồm các hoạt động rèn luyện sinh viên (nếu có) của trường đối tác. Trường hợp trao đổi ra nước ngoài, sinh viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định luật pháp của nước sở tại và các quy định quản lý du học sinh của Việt nam. Học phí các học phần đăng ký này được miễn hoặc giảm tuỳ theo thoả thuận hợp tác hoặc chương trình mà sinh viên tham gia. Thời gian trao đổi tính vào thời gian đào tạo chính thức.

Điều 14, HVu_ĐH

Điều 37. Xử lý học vụ

37.1 Cảnh báo học tập

Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

- Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;
- Hoặc điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;
- Hoặc điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

37.2 Buộc tạm dừng học

Sinh viên bị buộc tạm dừng việc học trong 01 học kỳ chính trong các trường hợp sau:

- Bị kỷ luật đến mức buộc tạm dừng học;
- Có số tín chỉ đăng ký học tập của học kỳ chính dưới chuẩn quy định. Các trường hợp sinh viên bị huỷ đăng ký một cách bất khả kháng sẽ được xem xét cụ thể.

Sau thời hạn bị tạm dừng việc học, sinh viên phải làm thủ tục thu nhận lại để tiếp tục việc học.

37.3 Buộc thôi học

Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

- Vi phạm kỷ luật ở mức buộc thôi học;
- Đã bị cảnh báo học tập quá 02 học kỳ chính liên tiếp;
- Bỏ học trong 01 học kỳ chính (vắng thi tất cả các học phần trong học kỳ);
- Tạm dừng quá 02 học kỳ chính liên tiếp;
- Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép;
- Hết thời gian đào tạo tối đa, kể cả thời gian kéo dài.

Trường hợp đặc biệt, khi có lý do chính đáng, ngoại trừ trường hợp bị vi phạm ở mức buộc thôi học hoặc hết thời gian đào tạo tối đa, Hiệu trưởng xem xét cho phép tạm hoãn buộc thôi học trong tối đa 01 lần.

Ngoại trừ trường hợp bị kỷ luật ở mức buộc thôi học, sinh viên chính quy bị buộc thôi học có thể được xem xét thu nhận lại để chuyển sang hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.

Điều 27, HVu_chung

Điều 38. Khen thưởng

38.1 Khen thưởng trong học tập

Theo các quy định hiện hành.

38.2 Khen thưởng lúc tốt nghiệp

Sinh viên được xét tặng Giấy khen, Huy chương vàng, Huy chương bạc theo thành tích học tập.

Điều 28, HVu_chung

Điều 39. Kỷ luật

39.1 Gian lận trong học tập

Sinh viên đạo văn hoặc làm bài hộ, nhờ làm bài hộ trong quá trình học tập (thực hiện bài tập, tiểu luận, đồ án, học phần tốt nghiệp, ...) bị kỷ luật huỷ toàn bộ kết quả học tập của học phần (nếu có) và nhận hình thức kỷ luật bổ sung. Khoa thành lập hội đồng chuyên môn để kết luận về việc đạo văn, làm bài hộ hoặc nhờ làm bài hộ.

39.2 Vi phạm quy định trong đánh giá học phần kiểm tra, thi

Điều 28, HVu_chung

Sinh viên vi phạm các quy định về kiểm tra, thi sẽ nhận các hình thức kỷ luật tương ứng theo quy định về kiểm tra, thi.

Sinh viên vi phạm hoặc gian lận trong các hình thức đánh giá học phần khác, áp dụng hình thức kỷ luật cao nhất trong các quy định về kiểm tra, thi hoặc quy định về gian lận trong học tập nêu trong điều này.

Khoản 1, Điều 20, TT08

Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ các trường hợp quy định cụ thể tại điều này.

39.3 Giả mạo trong học tập, kiểm tra, thi

Điều 28, HVu_chung

Sinh viên sử dụng các loại bằng cấp, chứng chỉ, giấy tờ giả, giả mạo chữ ký giảng viên, chữ ký sinh viên khác sẽ bị huỷ bỏ các kết quả dựa vào các loại giấy tờ giả và nhận hình thức kỷ luật bổ sung.

39.4 Không thanh toán học phí

Sinh viên không thanh toán học phí đúng hạn sẽ bị huỷ toàn bộ kết quả đăng ký học phần, huỷ kết quả học tập của học kỳ, tạm dừng việc học. Phần học phí không thanh toán sẽ bị ghi nợ.

39.5 Kỷ luật bổ sung

Trường hợp tái phạm hoặc không khắc phục hậu quả của vi phạm (nếu có) hoặc vi phạm nghiêm trọng, sinh viên và các cá nhân có liên quan sẽ nhận các hình thức kỷ luật bổ sung, đến mức buộc thôi học, do hội đồng kỷ luật quyết định. Ngoài ra, đối với các trường hợp vi phạm pháp luật có liên quan khác, sinh viên và các cá nhân, tổ chức có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, bao gồm tất cả các hình thức đánh giá học tập, kể cả thực hiện đồ án, khoá luận, luận văn, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp tái phạm.

Trường hợp sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị kỷ luật buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

Sinh viên bị kỷ luật buộc thôi học, trong thời hạn tối thiểu 05 năm, sẽ không được tham dự tuyển sinh vào trường ở bất kỳ bậc đào tạo và hình thức đào tạo nào. Sinh viên bị kỷ luật buộc thôi học do thi hộ hoặc dùng các loại bằng cấp, chứng chỉ, giấy tờ giả mạo sẽ không được tham dự tuyển sinh vào trường ở bất kỳ bậc đào tạo và hình thức đào tạo nào.

39.6 Thời hạn xem xét kỷ luật

Thời hạn xem xét về gian lận trong học tập và vi phạm trong kiểm tra, thi của các học phần, kể cả học phần tốt nghiệp, theo thời hạn lưu trữ bài thi hay thời hạn lưu trữ khoá luận/luận văn/luận án.

Thời hạn xem xét về giả mạo trong học tập, kiểm tra, thi theo thời hạn lưu trữ tài liệu và thời hạn nói trên.

Chương 9. BÁO CÁO, LƯU TRỮ HỌC VỤ

Điều 29, HVu_chung

Điều 40. Hồ sơ học phần

Hồ sơ học phần bao gồm:

1. Đề cương học phần.
2. Bộ slide bài giảng.
3. (Bản sao) Bảng điểm học phần.

4. Các đề và đáp án của bài tập, thực hành, thí nghiệm được sử dụng trong học phần.
5. Đầu bài và hướng dẫn chấm bài của các bài tập lớn.
6. Bài làm các bài tập lớn của sinh viên. Chỉ lựa chọn các bài tiêu biểu của sinh viên ở 3 mức xấu, trung bình, tốt; mỗi loại ít nhất một bài.
7. Đề kiểm tra, đề thi và đáp án đề kiểm tra, đề thi.
8. (Bảo sao) Bài làm của sinh viên (đối với các học phần có thi tự luận). Chỉ lựa chọn các bài tiêu biểu của sinh viên ở ba mức xấu, trung bình, tốt; mỗi loại ít nhất hai bài hoặc mỗi loại ít nhất một bài nếu số sinh viên nhỏ hơn 15.
9. Ghi chú của các giảng viên về các điểm cần lưu ý trong quá trình giảng dạy, trong đó có phân tích về phổ điểm tổng kết của sinh viên.
10. Đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên đối với chuẩn đầu ra của học phần.

Lưu ý: Chỉ cần cung cấp đề gốc và đáp án của đề gốc đối với dạng trắc nghiệm.

Hồ sơ học phần được giảng viên lập từng học kỳ có giảng dạy học phần, cho từng lớp học phần giảng viên phụ trách. Ở các học kỳ có nhiều hơn một lớp học phần, hồ sơ học phần được lập chung cho một học phần, bao gồm đầy đủ các thành phần dùng chung (như đề cương, bài giảng, đề thi, …) và các phần riêng cho từng nhóm lớp (bảng điểm, bài làm của sinh viên, ghi chú, …). Khoa có thể phân công một giảng viên thực hiện việc lập hồ sơ.

Tất cả các hồ sơ học phần của một học phần được tập hợp thành bộ hồ sơ học phần của mỗi học phần và được lưu trữ tại Khoa.

Điều 41. Lưu trữ học vụ *Điều 30, HVu_chung*

Các tài liệu và loại tài liệu như hồ sơ học phần, bài làm, bảng điểm, … phải lưu trữ theo thời hạn và quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương 10. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành *Điều 2, Quyết định số 2931/ QĐ-ĐHBK ngày 10/9/2021*

Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ 1 năm học 2021-2022 thay thế cho Quy chế đào tạo và học vụ ban hành kèm theo quyết định số 3502/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 25/11/2015; các sửa đổi ban hành kèm theo các quyết định số 553/ĐHBK-ĐT ngày 07/03/2017, 221/ĐHBK-ĐT ngày 24/01/2018, 2882/ĐHBK-ĐT ngày 10/10/2018, 2544/ĐHBK-ĐT ngày 10/08/2019 và 3879/ĐHBK-ĐT ngày 22/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; các quy chế, quy định về đào tạo của chương trình đào tạo Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt nam; các quy chế, quy định về đào tạo của chương trình tài năng ban hành; học phí, hoàn trả học phí, quy định tặng thưởng huy chương, giấy khen lúc tốt nghiệp và các điều chỉnh, bổ sung về các vấn đề này ban hành trước đây của các bậc đào tạo và hình thức đào tạo; Các quy định khác liên quan đến học vụ và đào tạo bậc đại học, cao đẳng của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành trước đây. *Điều 2, Quyết định số 2933/ QĐ-ĐHBK ngày 10/9/2021*

Riêng quy định về thang điểm đánh giá nêu ở khoản 17.2, Điều 17 và quy định về đánh giá kết quả học tập ở Điều 20 của quy định được áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm 2021 và cho sinh viên sử dụng chương trình đào tạo của khoá tuyển sinh từ năm 2021. *Điều 2, Quyết định số 2931*

Nơi nhận :
- PĐT (phổ biến cho SV);
- P.QTTHTT (truyền thông cho SV);
- Lưu (VT,PĐT).

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Bùi Hoài Thắng

PHỤ LỤC 1. CẤU TRÚC MÃ SỐ NGƯỜI HỌC VÀ MÃ SỐ HỌC PHẦN

[Phụ lục 1, HVu_chung]

1. Cấu trúc mã số người học

Mã số người học có dạng YYZXXXX, trong đó YY là hai số cuối của năm vào trường, Z là bậc đào tạo, hình thức đào tạo, chương trình ngay tại thời điểm nhập học, XXXX là số thứ tự. Z được quy định như sau:

Z	Ý nghĩa
0	Cao đẳng
1	Đại học đại trà
2	Bằng 2
3	Đại học hình thức vừa làm vừa học
4	Đại học hình thức vừa làm vừa học các tỉnh, đào tạo từ xa
5	Đại học chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến, Chuyển tiếp quốc tế
6	Trao đổi, tạm thời
7	Học viên cao học
8	Nghiên cứu sinh, dự bị tiến sĩ
9	Học viên bồi dưỡng sau đại học

2. Cấu trúc mã số học phần

Mã số các học phần có dạng MMLXXX[T] trong đó MM là viết tắt của ngành/Khoa, L là cấp độ học phần, XXX là thứ tự học phần và T là hình thức học phần (nếu cần).

L được hiểu như sau:

L	Ý nghĩa
1	Các học phần chung dành cho người học ở tất cả các năm học (người học từ năm thứ nhất)
2	Các học phần cơ sở ngành bậc cử nhân (người học từ năm thứ hai)
3	Các học phần ngành ở bậc cử nhân (người học từ năm thứ ba)
4	Các học phần ngành/chuyên ngành/khoá luận tốt nghiệp ở bậc cử nhân (người học từ năm thứ tư)
5-9	Các học phần ở bậc chuyên sâu đặc thù (người học từ năm thứ năm trong chương trình tích hợp từ bậc cử nhân lên bậc cao hơn, chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt Pháp), ở bậc thạc sĩ và bậc tiến sĩ

MM được viết tắt như sau:

MM	Nhóm học phần / Khoa	Tiếng Anh
	Nhóm các học phần chung	
MT	Toán	MaThematics
PH	Lý	PHysics
CH	Hóa	CHemicals
BI	Sinh học	BIologics
SP	Chính trị-Xã hội	Social/Political science
LA	Ngoại ngữ	Languages
PE	Thể dục	Physical Educations
MI	Quân sự	MIlitary trainning
	Nhóm các học phần theo Khoa	
EE	Điện - Điện tử	Electrical & Electronics
AS	Khoa học Ứng dụng	Applied Science
CH	Kỹ thuật Hóa học	CHemicals
CI	Kỹ thuật Xây dựng	CIvil
CO	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	COmputer sci. & eng.
EN	Môi trường và Tài nguyên	ENvironmental
GE	Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí	GEology
IM	Quản lý Công nghiệp	Industrial Management
ME	Kỹ thuật Cơ khí	MEchanical
TR	Kỹ thuật Giao thông	TRansportation
MA	Công nghệ Vật liệu	MAterials
IU	Bảo dưỡng Công nghiệp	IUt

PHỤ LỤC 2. KHUNG THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

[Phụ lục 2, HVu_chung]

1. Giờ học tập và giảng dạy

Tiết	Giờ bắt đầu	Giờ kết thúc	Buổi
1	06:00	06:50	Sáng
2	07:00	07:50	
3	08:00	08:50	
4	09:00	09:50	
5	10:00	10:50	
6	11:00	11:50	
7	12:00	12:50	Chiều
8	13:00	13:50	
9	14:00	14:50	
10	15:00	15:50	
11	16:00	16:50	
12	17:00	17:50	
13	18:00	18:50	Tối
14	18:50	19:40	
15	19:40	20:30	
16	20:30	21:10	

2. Khung giờ xếp thời khoá biểu

STT	Loại hình lớp	Khung giờ xếp thời khoá biểu
1	Ban ngày	Tiết 1-12 các ngày từ Thứ hai đến Thứ sáu. Trường hợp cần thiết, có thể xếp Tiết 1-12 ngày Thứ bảy. Các trường hợp đặc biệt, có thể xếp Tiết 1-12 ngày Chủ nhật.
2	Ngoài giờ	Tiết 13-16 các ngày từ Thứ hai đến Thứ sáu. Tiết 1-16 ngày Thứ bảy và Tiết 1-12 ngày Chủ nhật.
3	Ngoài giờ linh động	Tiết 1-16 các ngày từ Thứ hai đến Thứ bảy. Tiết 1-12 ngày Chủ nhật.
4	Sau đại học	Tiết 1-16 các ngày từ Thứ hai đến Chủ nhật.
5	Các trường hợp khác	Tiết 1-16 các ngày từ Thứ hai đến Chủ nhật.

Ghi chú:

- Tiết 1 và 16 trong ngày chỉ dùng trong trường hợp đặc biệt, có yêu cầu cụ thể của giảng viên và sinh viên.
- Vào ban ngày, thời khoá biểu phải đảm giờ nghỉ trưa cho giảng viên và sinh viên.
- Các buổi sáng và chiều, không xếp thời khoá biểu cho một sinh viên liên tục quá 05 giờ.
- Các lớp tại cơ sở Dĩ An, hạn chế xếp vào các tiết 11 và 12.

PHỤ LỤC 3. KHEN THƯỞNG LÚC TỐT NGHIỆP

[Phụ lục 3, HVu_chung]

1. Hình thức khen thưởng

Sinh viên bậc đại học, hình thức chính quy bằng thứ nhất, được xem xét tặng thưởng huy chương vàng hoặc bạc, kèm theo giấy khen, khi tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo kế hoạch.

Sinh viên bậc đại học, hình thức chính quy bằng thứ nhất, được xem xét tặng giấy khen khi tốt nghiệp vượt tiến độ so với thời gian đào tạo kế hoạch..

Sinh viên bậc đại học, hình thức chính quy bằng thứ nhất, Chương trình Chất lượng cao, Tiến tiến được xem xét tặng giấy khen khi tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo kế hoạch, đứng đầu khoá ngành.

Sinh viên bậc đại học, hình thức vừa làm vừa học, được xem xét tặng giấy khen khi tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo chuẩn và là một trong hai người đứng đầu khoá ngành, theo từng cơ sở và cơ sở liên kết đào tạo.

2. Phân bổ số lượng tối đa

2.1. Số lượng huy chương

STT	Khoa, ngành	Tổng số huy chương	Chương trình đại trà			Tài năng	Chất lượng cao, Tiên tiến
			Tổng	Vàng	Bạc	Vàng	Vàng
1	Bảo dưỡng Công nghiệp	1	1	1			
2	Kỹ thuật Cơ khí	7	5	1	4	1	1
3	Kỹ thuật Địa chất và Dầu khí	3	2	1	1		1
4	Điện - Điện tử	7	5	1	4	1	1
5	Kỹ thuật Giao thông	3	2	1	1		1
6	Kỹ thuật Hóa học	5	3	1	2	1	1
7	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	5	3	1	2	1	1
8	Môi trường và Tài nguyên	3	2	1	1		1
9	Quản lý Công nghiệp	3	2	1	1		1
10	Khoa học Ứng dụng	3	2	1	1		1
11	Công nghệ Vật liệu	2	2	1	1		
12	Kỹ thuật Xây dựng	7	5	1	4	1	1
13	Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp	8	8	8	0		
	Tổng cộng	**57**	**42**	**20**	**22**	**5**	**10**

Điều kiện ràng buộc thêm:

- Chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến, Chương trình tài năng, Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp chỉ xét tặng huy chương cho các Khoa có số lượng sinh viên tốt nghiệp cùng đợt từ 10 trở lên.
- Khi không có sinh viên nào đạt tiêu chuẩn nhận huy chương vàng, số huy chương vàng sẽ được chuyển thành số huy chương bạc.

2.2. Số lượng giấy khen

- Giấy khen cho học vượt: không hạn chế số lượng;
- Giấy khen cho người tốt nghiệp đầu khoá ngành của Chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến: mỗi ngành tối đa một giấy khen. Trường hợp sinh viên đồng thời được nhận được

giấy khen người tốt nghiệp đứng đầu khoá ngành và huy chương, sinh viên sẽ được nhận huy chương và sẽ không xét giấy khen của khoá ngành cho người kế tiếp.

- Giấy khen cho người tốt nghiệp đầu khoá ngành của hình thức đào tạo vừa làm vừa học: tối đa hai giấy khen cho hai người đứng đầu khoá ngành cho từng cơ sở và cơ sở liên kết đào tạo.

3. Tiêu chuẩn của người tốt nghiệp để xét khen thưởng

3.1. Tiêu chuẩn chung để xét tặng huy chương

- Tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo kế hoạch, tính từ khi nhập học, đợt tuyển sinh vào học kỳ 1;
- Xếp trong 10 sinh viên đầu tiên của Khoa, chương trình theo điểm trung bình tích luỹ ngành;
- Điểm bảo vệ tốt nghiệp từ 8,0 (thang 10) trở lên;
- Sinh viên của Chương trình Chất lượng cao, Tiên tiến phải có chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS từ 6.5 trở lên;
- Điểm rèn luyện toàn khoá đạt loại Xuất sắc;
- Không bị bất kỳ hình thức kỷ luật nào trong toàn khoá học.

3.2. Tiêu chuẩn dành cho huy chương vàng

- Xếp loại học lực khi tốt nghiệp (xếp loại tốt nghiệp) Giỏi trở lên;
- Không học lại bất kỳ học phần nào trong chương trình đào tạo.

3.3. Tiêu chuẩn dành cho huy chương bạc

- Xếp loại học lực khi tốt nghiệp (xếp loại tốt nghiệp) Giỏi trở lên;
- Không học lại quá 5% số tín chỉ trong chương trình đào tạo.

3. 4. Tiêu chuẩn xét tặng giấy khen

- Tốt nghiệp đúng hoặc vượt thời gian đào tạo kế hoạch, tính từ khi nhập học;
- Xếp loại học lực khi tốt nghiệp (xếp loại tốt nghiệp) Khá trở lên;
- Điểm rèn luyện toàn khoá (nếu có) đạt loại Giỏi trở lên;
- Không bị bất kỳ hình thức kỷ luật nào trong toàn khoá học;
- Khen thưởng học vượt: Tốt nghiệp vượt thời gian đào tạo kế hoạch;
- Khen thưởng đứng đầu khoá ngành: có điểm trung bình tích luỹ ngành đứng đầu khoá ngành đối với chương trình chất lượng cao, tiên tiến; hoặc là một trong hai người đứng đầu khoá ngành của cơ sở hoặc cơ sở liên kết đào tạo đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

4. Hội đồng xét tặng huy chương cấp Khoa

- Hội đồng xét tặng huy chương cấp Khoa gồm Chủ tịch hội đồng là Trưởng Khoa, Uỷ viên thường trực hội đồng là Phó trưởng Khoa phụ trách đào tạo, Thư ký hội đồng là Trợ lý giáo vụ Khoa và các uỷ viên là Trợ lý sinh viên Khoa và các Chủ nhiệm Bộ môn.
- Hội đồng xét tặng huy chương của Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp gồm Chủ tịch hội đồng là Trưởng chương trình, Uỷ viên thường trực hội đồng là Trợ lý dự án, Thư ký hội đồng là Thư ký Văn phòng Đào tạo Việt-Pháp và các uỷ viên là các trưởng ngành của chương trình.
- Thành viên hội đồng không là người thân trực tiếp (cha, mẹ, anh, chị, em ruột, vợ hoặc chồng) của sinh viên, cán bộ hướng dẫn của sinh viên. Trường hợp cần thay thế thành viên, sẽ theo nguyên tắc sau:

  + Phó trưởng Khoa phụ trách đào tạo sẽ thay Trưởng Khoa;

  + Phó trưởng Khoa khác sẽ thay Phó trưởng Khoa phụ trách đào tạo;

+ Một Chủ nhiệm Bộ môn sẽ thay Phó trưởng Khoa khác;

+ Trợ lý sinh viên sẽ thay Trợ lý giáo vụ;

+ Một Giáo viên chủ nhiệm một lớp có sinh viên tốt nghiệp sẽ thay Trợ lý sinh viên;

+ Phó Chủ nhiệm Bộ môn hoặc giảng viên có học vị từ Tiến sĩ trở lên thay Chủ nhiệm Bộ môn.

+ Trợ lý dự án sẽ thay Trưởng chương trình;

+ Một Trưởng ngành sẽ thay Trợ lý dự án;

+ Một giảng viên có học vị, học hàm từ Tiến sĩ trở lên của ngành sẽ thay Trưởng ngành.

5. Quy trình xét tặng huy chương, giấy khen

5.1. Hồ sơ ứng viên xét tặng huy chương

- Bảng điểm đầy đủ toàn khoá;
- Bản nhận xét và phản biện luận văn/khoá luận tốt nghiệp và trích biên bản hội đồng bảo vệ luận văn/khoá luận tốt nghiệp của các ứng viên;
- Các minh chứng về khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

5.2. Quy trình xét tặng huy chương

- Bước 1: Sau khi hoàn tất xét tốt nghiệp đợt chính của học kỳ, Phòng đào tạo gửi danh sách sinh viên thoả điều kiện nhận huy chương hoặc khen thưởng về các Khoa và Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp (gọi chung là Khoa).
- Bước 2: Hội đồng xét tặng huy chương cấp Khoa tiến hành thảo luận theo các nội dung sau:

  + Thư ký trình bày hồ sơ từng ứng viên huy chương vàng, huy chương bạc theo thứ tự dự kiến;

  + Hội đồng thảo luận để bình chọn;

  + Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể nghe ứng viên trình bày các điểm chính của luận văn/khoá luận tốt nghiệp, nghe ý kiến của Giáo viên chủ nhiệm, …

  + Bỏ phiếu kín xét tặng huy chương vàng; Sau khi bầu chọn xong huy chương vàng, bỏ phiếu kín xét tặng huy chương bạc (nếu có);

  + Ứng viên nhận huy chương vàng, huy chương bạc phải là các ứng viên có số phiếu đồng ý cao nhất và quá bán; Trường hợp chưa chọn đủ ứng viên, hoặc các ứng viên có số phiếu bằng nhau làm vượt quá số lượng huy chương tối đa cho phép, Hội đồng có thể tiến hành bỏ phiếu lại hoặc quyết định số lượng huy chương thấp hơn số lượng tối đa được phân bổ.
- Bước 3: Khoa gửi công văn kết quả về Phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định tặng huy chương.

5.3. Quy trình xét tặng giấy khen

- Khoa căn cứ trên danh sách tốt nghiệp, đề nghị Phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định tặng giấy khen các trường hợp học vượt.
- Sau khi có kết quả xét tặng huy chương từ các Khoa, Văn phòng Đào tạo Quốc tế xét và đề nghị Phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định tặng giấy khen các trường hợp đứng đầu khoá ngành.
- Phòng đào tạo xét và trình Hiệu trưởng ra quyết định tặng giấy khen các trường hợp đứng đầu khoá ngành, hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

PHỤ LỤC 4. MỘT SỐ QUY ĐỊNH HỌC PHÍ CHI TIẾT

[Phụ lục 4, HVu_chung]

1. Số tín chỉ định mức tính học phí theo học kỳ

Đại học		Cao học		
Chính quy	**Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa**	**Chất lượng cao**	**Từ khóa 2020 về trước**	**Từ khóa 2021**
17	14	16	12	15

Nhà trường xem xét giảm học phí cho sinh viên đăng ký ít hơn số tín chỉ định mức theo bảng sau:

Mức giảm	Số tín chỉ /học kỳ			
	Đại học		Cao học	
	Chính quy	**Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa**	**Từ khóa 2020 về trước**	**Từ khóa 2021**
25%	<=12	<=10	<=9	<=12
50%			<=6	<=8
75%			<=3	<=4

Ghi chú: Ngoại trừ Cao học Chất lượng cao khóa 2020 về trước.

2. Cách tính học phí các học phần đặc thù bậc đại học

STT	Tên học phần	Số tín chỉ/ đơn vị học trình	Số tín chỉ/ đơn vị học trình tính học phí
1	Đề cương luận văn	0	2
2	Giáo dục thể chất	Theo thông báo học phí từng năm	
Các học phần đặc thù của chương trình PFIEV từ khoá 2018 về trước			
4	Học phần tiếng Pháp 6, 7, 8	0	3
5	Các học phần với Mã học phần chung với đại trà	Tính học phí theo tín chỉ và đơn giá của chương trình đại trà	
6	Thực tập tốt nghiệp	0	4
7	Luận văn tốt nghiệp	10 (20)	15

PHỤ LỤC 5. QUY ĐỊNH VỀ HOÀN TRẢ HỌC PHÍ

[Phụ lục 5, HVu_chung]

1. Các quy định chung

- Học phí gọi trong quy định này là khoản học phí, học phí tạm nộp.
- Các điều kiện nhập học, bảo lưu, rút nhập học, đăng ký môn học, huỷ đăng ký môn học, … theo quy định tuyển sinh, nhập học, học vụ hiện hành.

2. Các trường hợp được hoàn trả học phí

2.1. Trúng tuyển và nhập học

Sinh viên không nhập học hoặc đã bảo lưu kết quả trúng tuyển, được hoàn trả học phí. Thời điểm tối đa để làm thủ tục hoàn trả học phí là cuối học kỳ nhập học.

Sinh viên rút nhập học hoặc bị huỷ kết quả trúng tuyển hoặc huỷ nhập học hoặc không công nhận sinh viên được hoàn trả học phí nếu thời điểm làm thủ tục hoàn trả dưới 04 tuần tính từ ngày bắt đầu học của đợt tuyển sinh.

2.2. Thôi học, tạm dừng

Sinh viên thuộc các trường hợp sau được hoàn trả học phí nếu thời điểm làm thủ tục hoàn trả dưới 04 tuần tính từ ngày đầu học kỳ:

- Thôi học theo yêu cầu cá nhân từ học kỳ tính học phí;
- Bị buộc thôi học hoặc xoá tên, nhưng không phải là bị kỷ luật, từ học kỳ tính học phí;
- Tạm dừng học hoặc bị tạm dừng học từ học kỳ tính học phí, ngoại trừ học kỳ bị tạm dừng vì không thanh toán học phí.

2.3. Tính lại học phí

Sinh viên huỷ đăng ký một số học phần đã đăng ký và làm giảm học phí cần thanh toán, nhà trường sẽ hoàn trả phần dư nếu thời gian huỷ đăng ký trong 02 tuần đầu học kỳ hoặc tối đa trong 06 tuần đầu học kỳ nếu có lý do chính đáng.

Trường hợp sinh viên đã nộp tạm ứng nhiều hơn học phí cần thanh toán, nhà trường sẽ hoàn lại phần dư. Thời hạn tối đa làm thủ tục hoàn phần dư học phí là 01 học kỳ tính từ học kỳ đã tạm ứng dư. Trường hợp đặc biệt sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

3. Thời điểm hoàn trả học phí

Nhà trường thực hiện việc hoàn trả học phí vào các tuần trước tuần giữa học kỳ và tuần sau tuần cuối học kỳ của các học kỳ chính, hoặc tuần sau tuần cuối học kỳ của các học kỳ phụ, ngoại trừ các trường hợp khẩn cấp.

PHỤ LỤC 6. THỜI HẠN VÀ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH LƯU TRỮ TÀI LIỆU HỌC VỤ BẬC ĐẠI HỌC

[Trích Phụ lục 6, HVu_chung]

1. Thời hạn lưu trữ và đơn vị phụ trách một số loại tài liệu học vụ

TT	Tài liệu, loại tài liệu	Thời hạn lưu trữ	Đơn vị phụ trách
1	Tài liệu tuyển sinh đại học	Hết khóa	Phòng Đào tạo
	- Hồ sơ dự tuyển		
	- Đề thi và đáp án tuyển sinh		
	- Bài thi tuyển sinh		
2	Thi hết học phần/phần học phần	Hết khóa	Khoa
	- Đề thi và đáp án		
	- Bài làm của sinh viên		
3	Hồ sơ học phần	5 năm sau tốt nghiệp	Khoa
4	Bảng ghi điểm học phần	10 năm sau tốt nghiệp	Phòng Đào tạo
5	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	3 năm sau tốt nghiệp	Khoa
6	Tốt nghiệp		
	- Tiểu luận/luận văn/khoá luận tốt nghiệp có kết quả đạt trở lên	20 năm	Khoa
	- Biên bản hội đồng	10 năm sau tốt nghiệp	Phòng Đào tạo
7	Chương trình đào tạo, đề cương học phần	Vĩnh viễn	Khoa, Phòng Đào tạo

2. Một số trường hợp ngoại lệ

STT	Tài liệu, loại tài liệu	Đơn vị phụ trách
1	Bảng điểm gốc các khóa bậc đại học từ khóa 1992 về trước	Khoa
2	Bảng điểm gốc bậc cao đẳng ngành Công nghệ Thông tin	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
3	Bảng điểm gốc bậc cao đẳng các khóa từ 2000 về trước ngành Bảo dưỡng Công nghiệp	Trung tâm Bảo dưỡng Công nghiệp

PHỤ LỤC 7. QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN NGOẠI NGỮ DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG VIỆT

[Trích Phụ lục 1, HVu_ĐH]

Các quy định chuẩn ngoại ngữ này dành cho các sinh viên chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt. Các sinh viên đại trà giảng dạy bằng tiếng Việt là lưu học sinh Lào, Campuchia, được miễn các chuẩn ngoại ngữ từng năm và chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp, nhưng không được miễn các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo.

1. Chuẩn ngoại ngữ từng năm học

Chuẩn ngoại ngữ từng năm được quy định cụ thể như sau:

Chuẩn từng năm	Đạt tương đương	Ghi chú
Năm thứ nhất	Anh văn cơ bản	Học phần ngoài chương trình
Năm thứ hai	Anh văn 1	
Năm thứ ba	Anh văn 1, 2, 3	
Năm thứ tư	Anh văn 1, 2, 3, 4	

Lưu ý: Điều kiện tiên quyết của các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4 tương ứng là Anh văn cơ bản, Anh văn 1, 2 và 3.

Chuẩn ngoại ngữ từng năm không áp dụng cho chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.

2. Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp

Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp được quy định theo chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế như sau:

Chương trình, hình thức đào tạo	Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp		
	Tiếng Anh (tương đương TOEIC)		Khác
	Nghe-Đọc	Nói-Viết	
Chương trình đại trà	**500** (khoá 2018 về trước) **550** (khoá 2019) **600** (từ khoá 2020)	**200**	
Chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật	**600** (từ khoá 2020)	**200**	**JLPT N3** (tiếng Nhật)
Chương trình tài năng	**600** (khoá 2018 về trước) **650** (khoá 2019) **700** (từ khoá 2020)	**245**	
Chương trình Kỹ sư Việt-Pháp	**600** (khoá 2018 về trước) **650** (khoá 2019) **700** (từ khoá 2020)	**245**	**DELF B1** (tiếng Pháp)
Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa	**400** (khoá 2017 về trước) **450** (khoá 2018) **500** (khoá 2019) **600** (từ khoá 2020)	**200** (từ khoá 2021)	
Chính quy Bằng thứ hai	*Học chương trình đào tạo chính quy của khóa nào thì áp dụng chuẩn của khóa đó.*		

Các chứng chỉ tiếng Anh bao gồm đủ các kỹ năng Nghe-Đọc-Nói-Viết (gồm IELTS, TOEFL iBT) khi có mức điểm đạt tương đương TOEIC từ 600 điểm, được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp cho tất cả các kỹ năng.

Tạm thời cho phép sinh viên dùng kết quả các kỳ kiểm tra kỹ năng Nói-Viết do Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Bách khoa tổ chức để xét tốt nghiệp. Yêu cầu tối thiểu là mức "Đạt", tương đương mức điểm 200, riêng chương trình tài năng là mức "Đạt TN", tương đương mức điểm 245.

Khi xét điều kiện đăng ký học phần Khoá luận tốt nghiệp, cho phép áp dụng chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp tiếng Anh chỉ với kỹ năng Nghe-Đọc.

3. Quy đổi các bằng cấp và chứng chỉ ngoại ngữ

- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi tương đương như sau:

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế							**Các học phần Anh văn**				
TOEIC Listening & Reading	**TOEFL ITP**	**TOEFL iBT**	**IELTS**	**PET**	**FCE**	**CAE**	Cơ bản	1	2	3	4
400	433	40	3,5				Đạt				
450	463	49	4,0	Pass			Đạt	Đạt			
500	480	54		Merit			Đạt	Đạt	Đạt		
550	497	59	4,5				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
600	510	64	5,0				Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
650	527	70	5,5	Distinc-tion			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
700	550	79			Grade C	Level B2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
750	570	85	6,0		Grade B Grade A	Grade C Grade B Grade A	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Thời hạn công nhận chứng chỉ: trong thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp cho đến ngày đăng ký xác nhận đạt chuẩn.

- Các bằng cấp và chứng chỉ tiếng Pháp dùng để quy đổi như sau:
  - DELF B1, B2: miễn các học phần Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7;
  - DELF A2: miễn các học phần Pháp văn 1 và 2;
  - Tú tài Pháp hoặc Tốt nghiệp phổ thông chương trình Song ngữ và tăng cường tiếng Pháp: miễn các học phần Pháp văn 1 và 2.
- Bằng tốt nghiệp bậc đại học trở lên ngành/chuyên ngành tiếng Anh được miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4.
- Lưu ý: Chứng chỉ VNU-EPT không còn được áp dụng theo quy định của ĐHQG-HCM

4. Nguyên tắc xét miễn các học phần tiếng Anh và các chuẩn ngoại ngữ

4.1. Ngay khi nhập học

Sau khi nhập học, nhà trường tổ chức một kỳ ***kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào*** theo định dạng TOEIC dành cho các sinh viên chính quy vừa trúng tuyển.

Kết quả kiểm tra sẽ được dùng để xét miễn một lần duy nhất các học phần tiếng Anh tương ứng nêu trong mục 3 của Phụ lục này. Các học phần không được miễn, sinh viên phải đăng ký học.

Sinh viên vừa trúng tuyển, trong thời hạn không quá 01 năm, có thể dùng chứng chỉ Anh văn quốc tế còn thời hạn phù hợp để được xét miễn các học phần tiếng Anh (theo quy định trong mục 3 của Phụ lục này) và đồng thời có thể được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp (theo quy định trong mục 2 của Phụ lục này).

Sinh viên vừa trúng tuyển, đã có bằng tốt nghiệp từ bậc đại học ngành/chuyên ngành tiếng Anh, trong học kỳ đầu tiên tính từ lúc trúng tuyển, được đăng ký xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3 và 4.

4.2. Trong quá trình học

Trong quá trình học, sinh viên có thể dùng chứng chỉ Anh văn quốc tế còn thời hạn phù hợp để được xét đạt chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp (theo quy định trong mục 2 của Phụ lục này).

5. Điều khoản chuyển tiếp về ngoại ngữ cho các khoá từ 2020 về trước

Phần này dành cho các sinh viên từ khoá 2020 về trước, ngoại trừ các sinh viên chuyển khoá, học chung với khoá từ 2021.

5.1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh định kỳ

Nhà trường tổ chức các kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh định kỳ dùng xét đạt chuẩn ngoại ngữ từng năm học. Quy định này được áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022, nếu điều kiện tổ chức cho phép.

5.2. Chuẩn ngoại ngữ từng năm và chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp

Cho phép sinh viên chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật, học chương trình của khoá 2020, được dùng kết quả các kỳ kiểm tra nội bộ do nhà trường tổ chức để xét chuẩn ngoại ngữ (tiếng Anh) tốt nghiệp.

Cho phép sinh viên vừa làm vừa học, đào tạo từ xa từ khoá 2020 về trước, dùng kết quả các kỳ kiểm tra nội bộ theo định dạng TOEIC do nhà trường tổ chức để xét chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp. Thời hạn áp dụng là đến hết học kỳ 2 năm học 2022-2023.

5.3. Xét chuyển điểm, miễn điểm các học phần tiếng Anh bằng chứng chỉ quốc tế dành cho khoá 2016 về trước

- Áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2022-2023:

Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế									*Các học phần Anh văn*			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULATS	KET	PET	FCE	CAE	1	2	3	4
350	417	35	3,0	30	Merit	Pass	Level B1 Grade C; Grade B; Grade A	Level B2 Grade C; Grade B; Grade A	Đạt			
400	433	40	3,5	35	Distinction				Đạt	Đạt		
450	463	50	4,0	40					Đạt	Đạt	Đạt	
500	480	55	4,5	47		Merit			Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

5.4. Xét chuyển điểm các học phần tiếng Pháp

- Áp dụng như Mục 3 trong phụ lục này, từ học kỳ 1 năm 2022-2023.

PHỤ LỤC 8. QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN NGOẠI NGỮ DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIÊN TIẾN

[Phụ lục 2, HVu_ĐH]

Các quy định chuẩn ngoại ngữ này bao gồm chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh dành cho các sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao, tiên tiến (giảng dạy bằng tiếng Anh) và chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật dành cho chương trình chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật.

Phần A. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Anh

1. Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh

Chuẩn ngoại ngữ của cả chương trình, là điều kiện trúng tuyển vào trường, và là chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp. Cụ thể như sau:

IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (*)	
		Nghe-Đọc	Nói-Viết
6,0	79	730	280

(*) *Áp dụng từ khoá 2021.*

Sinh viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp và còn trong thời hạn hợp lệ để được xét đạt chuẩn. Hạn của chứng chỉ tính đến thời điểm xét.

Chỉ các sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ mới được tham gia học tập chính thức của nhà trường, ngoại trừ việc học các học phần giảng dạy bằng tiếng Việt.

Các sinh viên chưa đạt chuẩn ngoại ngữ, phải hoàn thành việc công nhận đạt chuẩn trong tối đa 01 năm từ khi nhập học. Trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng nhà trường có thể quyết định cho phép sinh viên có thể được kéo dài thời gian đạt chuẩn đến 1,5 năm từ khi nhập học.

2. Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường

Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường nhằm hỗ trợ sinh viên nhanh chóng hoàn thành chuẩn ngoại ngữ của chương trình.

Chương trình học gồm các học phần sau:

TT	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học trung bình	Chuẩn đầu vào (IELTS)	Chuẩn đầu ra (IELTS)
1	IELTS 1	12	214	≤ 2,5	3,0
2	IELTS 2	12	214	3,0 – 4,0	4,5
3	IELTS 3	12	214	4,5	5,5
4	IELTS 4	12	214	5,0 – 5,5	6,0

Các học phần IELTS 1, 2, 3, 4 được xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4 tương ứng, tính theo chuẩn đầu ra học phần và quy định trong Phụ lục 7.

Ngoài ra, sinh viên có tổng điểm kiểm tra của kỳ thi Anh văn đầu vào theo định dạng IELTS từ 6.0; hoặc tham gia chương trình giảng dạy Anh văn tăng cường và có điểm trung bình môn Anh văn hoặc điểm bài thi IELTS mô phỏng từ 6.0 sẽ được xét miễn các học phần Anh văn 1, 2, 3, 4.

3. Kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào

Sau khi nhập học, nhà trường tổ chức một kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào theo định dạng IELTS dành cho các sinh viên chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, nhưng chưa đạt đủ

chuẩn ngoại ngữ. Kết quả kiểm tra này dùng để miễn một số học phần tiếng Anh và xếp các lớp học tiếng Anh để hỗ trợ sinh viên nhanh chóng hoàn thành chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

Căn cứ trên kết quả kiểm tra, sinh viên được xếp lớp học như sau:

Điểm kiểm tra (định dạng IELTS)	**Xếp lớp**
< 3,0	IELTS 1
< 4,5	IELTS 2
< 5,0	IELTS 3
< 6,0	IELTS 4

Sinh viên có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp và còn trong thời hạn hợp lệ có thể đăng ký miễn một số học phần Anh văn tăng cường nêu trong mục 2 và được xếp lớp học Anh văn tăng cường tương ứng còn chưa đạt.

4. Xét tạm đạt chuẩn ngoại ngữ

Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phù hợp, đạt ngưỡng điểm nêu ở mục 1, đã quá thời hạn trong tối đa 01 năm và vẫn có thể thẩm định được, được xét tạm đạt chuẩn ngoại ngữ.

Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào, hoặc đã tham gia chương trình đào tạo Anh văn tăng cường và dự kiểm tra trình độ tiếng Anh nội bộ theo định dạng IELTS do nhà trường tổ chức, đạt từ 6,0 trở lên, được xét tạm đạt chuẩn ngoại ngữ.

Sinh viên tạm đạt chuẩn ngoại ngữ chỉ được phép đăng ký học các học phần cấp độ một và hai của chương trình đào tạo, ngoại trừ các học phần giảng dạy bằng tiếng Việt.

Phần B. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật

5. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật cho chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật

5.1. Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật

Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật đối với sinh viên chương trình Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật là điều kiện để sinh viên đăng ký học phần và xét tốt nghiệp, được quy định như sau:

Chuẩn ngoại ngữ tiếng Nhật	**Chứng chỉ - cấp độ**	**Ghi chú**
Quá trình A	JLPT N3 hoặc NAST – TEST 3Q	- Học các học phần bằng tiếng Nhật - Thực tập tại doanh nghiệp Nhật
Quá trình B	JLPT N3	- Chuyển tiếp sang Nhật
Tốt nghiệp	JLPT N3	

5.2. Miễn học phần Tiếng Nhật

Sinh viên đã có chứng chỉ tiếng Nhật JLPT trong vòng 12 tháng, được xem xét miễn một số học phần tiếng Nhật như sau:

Chứng chỉ	**Được xét miễn**	**Ghi chú**
JLPT N2	Tiếng Nhật 1, 2, 3	
JLPT N3	Tiếng Nhật 1, 2	

PHỤ LỤC 9. QUY ĐỊNH VỀ KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

[Phụ lục 3, HVu_ĐH]

1. Chuẩn kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin

Từ khóa 2021, sinh viên phải đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản và đạt chứng chỉ MOS (Microsoft Office Specialist) ở 02 bài thi là Excel và PowerPoint.

2. Các điều kiện ràng buộc

Sinh viên phải đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản sau năm thứ nhất để có thể được xếp trình độ năm thứ hai.
Sinh viên phải đạt chứng chỉ MOS để được đăng ký học phần Khoá luận tốt nghiệp.

3. Cách thức đạt chuẩn

Nhà trường tổ chức các kỳ kiểm tra kỹ năng ứng dụng Công nghệ thông tin nội bộ, không cấp chứng chỉ, miễn phí một lần cho toàn bộ các sinh viên chính quy trong năm thứ nhất. Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hợp lệ hoặc chứng chỉ quốc tế IC3 để hoàn tất chuẩn này.

Trường phối hợp với các đơn vị có trách nhiệm tổ chức các kỳ thi lấy chứng chỉ MOS cho sinh viên. Mỗi sinh viên chính quy được miễn phí một lần thi. Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ MOS tương ứng để hoàn tất chuẩn này.

Sinh viên đã hoàn tất chuẩn nội bộ, trong đối đa 05 năm, được bảo lưu kết quả khi trúng tuyển đầu vào của nhà trường hoặc chuyển sang hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa.

PHỤ LỤC 10. QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH KỸ SƯ VIỆT-PHÁP

[Phụ lục 4, HVu_ĐH]

1. Quy định chung về chương trình

Chương trình Đào tạo kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam (Kỹ sư Việt-Pháp hoặc PFIEV) được thành lập theo nghị định thư 1997 ký ngày 12/11/1997 giữa hai chính phủ Pháp và Việt Nam. Chương trình được triển khai tại 4 trường đại học tại Việt Nam: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Bách khoa - Đại học Đà nẵng, Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, với sự cộng tác của 8 trường đại học tại Pháp.

Chương trình Đào tạo Kỹ sư chất lượng cao tại Việt Nam có mục tiêu là đào tạo các kỹ sư nắm vững lý thuyết, giỏi thực hành, có năng lực quản lý và chuyên môn giỏi. Được đào tạo với kiến thức cơ bản vững chắc, có kiến thức liên ngành, kỹ sư tốt nghiệp từ chương trình có tầm nhìn và có phương pháp tiếp cận và giải quyết vấn đề tổng hợp, thích ứng với môi trường hoạt động liên ngành, đa văn hóa và những thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

1.1. Chương trình đào tạo

Chương trình gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (Năm thứ nhất và năm thứ hai): chủ yếu dành cho các khối kiến thức Toán-Khoa học tự nhiên, khối kiến thức Kinh tế-chính trị-xã hội-pháp luật và môi trường, ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp).
- Giai đoạn 2 (Các năm sau): chủ yếu dành cho các khối kiến thức ngành, chuyên ngành và tốt nghiệp.

Ngoài ra, trong chương trình còn có 03 kỳ thực tập:

- Thực tập công nhân (01 tháng): trong học kỳ 4 hoặc hè cuối năm thứ 2;
- Thực tập kỹ thuật: hè cuối năm thứ 3;
- Thực tập kỹ sư: 08 tuần trong nước; hoặc 4-6 tháng ở nước ngoài kết hợp với thực hiện khoá luận tốt nghiệp kỹ sư.

1.2. Ban điều hành chương trình

Ban điều hành cấp trường gồm:

- Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Trưởng ban;
- Một cán bộ của trường được cử làm Thư ký điều hành chương trình;
- Trưởng phòng Đào tạo hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo;
- Đại diện phòng Kế hoạch – Tài chính;
- Trưởng các ngành đào tạo chương trình PFIEV.

Ban điều hành cấp trường có trách nhiệm:

- Xây dựng chiến lược hoạt động và tài chính của toàn bộ chương trình;
- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh;
- Tham gia điều hành tổ hợp chương trình PFIEV gồm các bốn trường đại học Việt Nam;
- Hợp tác với các trường đối tác Pháp trong việc xây dựng và hiệu chỉnh chương trình đào tạo, phát huy hiệu quả công tác phối hợp hoạt động và kiểm định quốc tế.

Trưởng các ngành có trách nhiệm:

- Quản lý chương trình đào tạo thuộc chuyên ngành;
- Quản lý các công tác học vụ của sinh viên thuộc chuyên ngành;
- Hỗ trợ các công tác quan hệ quốc tế với trường đối tác Pháp và hợp tác doanh nghiệp;
- Tổ chức hội nghị nghiên cứu khoa học hàng năm.

2. Tuyển sinh

2.1. Tuyển sinh từ nguồn trúng tuyển vào trường

Sinh viên đã trúng tuyển vào trường theo tất cả các phương thức xét tuyển, có nguyện vọng được nộp đơn xin xét tuyển vào chương trình PFIEV. Sinh viên cần thoả điều kiện trúng tuyển của chương trình chính quy đại trà của ngành đăng ký tương ứng với chương trình PFIEV.

Điểm ưu tiên được hội đồng tuyển sinh xem xét cho các trường hợp sau:

- Sinh viên có chứng chỉ tiếng Pháp DELF B1 hoặc TCF B1;
- Sinh viên có bằng tốt nghiệp Trung học Phổ thông (THPT) chương trình song ngữ tiếng Pháp;
- Sinh viên đã học chương trình song ngữ tiếng Pháp.

2.2. Tuyển sinh riêng

Tuyển sinh riêng theo đề án tuyển sinh của trường.

2.3. Tuyển sinh bổ sung

Sinh viên năm thứ 2 từ chương trình chính quy đại trà của trường có điểm trung bình 3 học kỳ đầu tiên đạt từ loại Khá và có số tín chỉ tích luỹ đạt 90% theo kế hoạch đào tạo có thể đăng ký tham gia kỳ thi phân ngành để được chuyển vào học chương trình PFIEV.

3. Thi đánh giá giai đoạn, chuyển ngành, chuyển trường

3.1. Thi đánh giá giai đoạn

Giữa học kỳ thứ 4, chương trình PFIEV tổ chức kỳ thi đánh giá giai đoạn – phân ngành cho sinh viên năm thứ hai. Kỳ thi được tổ chức chung với các trường đại học thuộc tổ hợp Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam. Các môn thi bao gồm: Toán, Vật lý và Ngoại ngữ (tiếng Pháp hoặc tiếng Anh). Kết quả kỳ thi nhằm xác định sinh viên đạt trình độ của giai đoạn 1, và làm cơ sở xét duyệt trong trường hợp sinh viên có nguyện vọng chuyển đến các trường thành viên PFIEV, hoặc chuyển ngành do Hội đồng học vụ của Chương trình PFIEV xem xét. Điểm trung bình tổng kết của kỳ thi là điểm trung bình có trọng số của 3 môn thi như sau:

Điểm thi = (Toán x 3 + Vật lý x 2 + Ngoại ngữ x 1)/6

3.2. Chuyển ngành

Sinh viên có nguyện vọng chuyển chuyên ngành PFIEV của trường, ngoài việc thoả mãn các yêu cầu như quy định chuyển ngành hiện tại, cần đạt được một trong các tiêu chí sau:

- Điểm trung bình tích lũy của 03 học kỳ đầu tiên đạt từ Giỏi trở lên và tích lũy 90% số tín chỉ, theo kế hoạch đào tạo tiêu chuẩn.
- Điểm thi của kỳ thi đánh giá giai đoạn nằm trong danh sách top 15% sinh viên có điểm số cao nhất kỳ thi của trường.

3.2. Chuyển trường

Sinh viên đăng ký nguyện vọng chuyển trường trước kỳ thi đánh giá giai đoạn vào các chuyên ngành ở các trường thành viên của tổ hợp Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam. Hội đồng kỳ thi căn cứ vào điểm thi của sinh viên và nhu cầu của trường tiếp nhận để xét duyệt nguyện vọng chuyển trường.

4. Ra khỏi chương trình

Sinh viên có thể ra khỏi chương trình theo nguyện vọng cá nhân theo quy định hiện hành.

Sinh viên có thể bị buộc rời khỏi chương trình nếu rơi vào các trường hợp sau:

- Sinh viên hết năm thứ nhất, đã bị cảnh báo học vụ.
- Sinh viên hết năm thứ hai, đã bị cảnh báo học vụ trong năm thứ hai.
- Sinh viên hết năm hai có điểm thi đánh giá giai đoạn dưới 2,0 / 10,0 hoặc điểm thi đánh giá giai đoạn dưới 3,0 / 10,0 và có điểm trung bình tích luỹ dưới trung bình.

5. Trao đổi, chuyển tiếp học nước ngoài

5.1. Trao đổi học tập

Sinh viên tham gia trao đổi học tập, thực tập tại các trường đối tác phía Pháp trong thời gian 01 học kỳ thực hiện theo quy định hiện hành.

Nếu thời gian trao đổi hơn 01 học kỳ, sinh viên phải làm thủ tục tạm dừng việc học của trường để học chuyển tiếp nước ngoài. Sinh viên không đăng ký học phần và không bị tính học phí. Sinh viên phải chịu trách nhiệm quản lý bởi trường phía đối tác. Sau thời gian trao đổi, sinh viên làm thủ tục thu nhận lại để tiếp tục học. Thời gian trao đổi được tính vào thời gian đào tạo chính thức.

5.2. Chuyển tiếp học tập để nhận bằng đôi

Sau khi hoàn thành 04 năm học tập tại nhà trường, sinh viên có thể xin chuyển tiếp học tập sang trường đối tác phía Pháp và cùng lúc được nhận hai bằng, một do trường ta cấp và một do trường đối tác cấp. Khối lượng học tập ở nước ngoài phải thoả mãn điều kiện để được xét miễn các học phần trong chương trình PFIEV để được nhà trường cấp bằng. Khối lượng được xét miễn quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình PFIEV.

Tuỳ theo từng trường hợp, sinh viên có thể đăng ký học với trường đối tác theo các tình huống khác nhau và được nhận các bằng như sau:

- Học hoàn tất chương trình Kỹ sư tại trường đối tác, thoả điều kiện cấp bằng của nhà trường, thoả điều kiện cấp bằng Kỹ sư của trường đối tác: Bằng Kỹ sư Việt-Pháp do nhà trường cấp, và bằng Kỹ sư của trường đối tác cấp.
- Học hoàn tất chương trình Kỹ sư tại trường đối tác, thoả điều kiện cấp bằng của nhà trường, nhưng không thoả điều kiện cấp bằng Kỹ sư của trường đối tác, học tiếp chương trình Thạc sĩ ở trường đối tác: Bằng Kỹ sư Việt-Pháp do nhà trường cấp, và bằng Thạc sĩ của trường đối tác cấp.

Thủ tục chuyển tiếp đến trường đối tác phải bao gồm giấy báo nhập học của trường đối tác và thỏa thuận học tập cho chương trình bằng đôi được Trưởng ngành và người có trách nhiệm của trường đối tác ký.

Thủ tục công nhận tín chỉ với khối lượng học tập ở nước ngoài phải bao gồm công văn đề nghị miễn điểm, công nhận tín chỉ của Trưởng ngành, có xác nhận của Ban điều hành chương trình PFIEV cấp trường. Quy định về công nhận miễn điểm, công nhận tín chỉ theo quy định hiện hành.

Thời điểm cấp văn bằng của nhà trường phải tuân thủ thời gian đào tạo tối đa của sinh viên, bao gồm thời gian đào tạo ở nước ngoài, theo quy định.

6. Đăng ký các học phần thực tập và tốt nghiệp

Sinh viên phải tích luỹ tối thiểu một số tín chỉ của chương trình đào tạo để đăng ký các học phần thực tập và tốt nghiệp như sau:

- Thực tập kỹ thuật: 55%;
- Thực tập kỹ sư: 75%;
- Khoá luận tốt nghiệp: 85%.

Ngoài ra, sinh viên phải thoả mãn các điều kiện ràng buộc tiên quyết, song hành của các học phần thực tập và tốt nghiệp như sau:

- Thực tập công nhân là học phần tiên quyết của Thực tập kỹ thuật;
- Thực tập kỹ thuật là học phần tiên quyết của Thực tập kỹ sư;
- Thực tập kỹ sư là học phần tiên quyết của Khoá luận tốt nghiệp.

7. Hội đồng bảo vệ khoá luận tốt nghiệp hỗn hợp Việt-Pháp

Hội đồng bảo vệ khoá luận tốt nghiệp hỗn hợp được thành lập với sự tham gia của giảng viên của nhà trường và trường đối tác phía Pháp. Chủ tịch hội đồng là giảng viên của trường đối tác.

Sinh viên tham dự hội đồng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Viết khoá luận tốt nghiệp hoặc tóm tắt khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp;
- Bảo vệ trước hội đồng tốt nghiệp hỗn hợp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp;
- Đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp chương trình PFIEV.

8. Tốt nghiệp và cấp bằng

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp sẽ được cấp bằng Kỹ sư Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao tại Việt Nam của trường.

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình PFIEV, bảo vệ đạt khoá luận tốt nghiệp trước Hội đồng bảo vệ khoá luận hỗn hợp Việt-Pháp sẽ được nhận Phụ lục bằng đồng ký của nhà trường và trường đối tác phía Pháp.

Sinh viên không thoả điều kiện Chuẩn ngoại ngữ tốt nghiệp của chương trình được xem xét chuyển sang xét tốt nghiệp với chương trình đào tạo đại trà.

PHỤ LỤC 11. QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG

[Phụ lục 5, HVu_ĐH]

Phần A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Chương trình tài năng

Chương trình tài năng là chương trình đào tạo bậc đại học chính quy của trường, được Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, có tăng cường các học phần tài năng nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra cao hơn (trong đó bao gồm chuẩn tiếng Anh đầu ra). Chuẩn đầu ra của sinh viên tài năng phải bao gồm: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tài năng được quy định cụ thể tại đề cương của các học phần tài năng.

Các học phần tài năng là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo tài năng. Tổng số tín chỉ của các học phần tài năng tối thiểu là 25% tổng số tín chỉ của toàn bộ chương trình đào tạo.

Sinh viên tham gia chương trình đào tạo tài năng phải đạt quy định số tín chỉ tích lũy, số tín chỉ tài năng tích lũy và điểm trung bình tích lũy tối thiểu mà chương trình yêu cầu sinh viên tài năng cần phải đạt được trong từng học kỳ, từng năm học và khóa học.

Sinh viên chương trình tài năng cần phải thực hiện luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp kéo dài tối thiểu trong 01 học kỳ với yêu cầu chuẩn đầu tương ứng với sinh viên chương trình tài năng được quy định cụ thể trong đề cương môn học. Khuyến khích các đề tài luận văn mang tính liên ngành.

2. Tín chỉ tài năng và học phần tài năng

Học phần tài năng phải đi kèm theo một học phần mở rộng theo định hướng chuyên sâu hoặc nghiên cứu. Phần mở rộng có cấp độ chuẩn đầu ra cao hơn. Phần mở rộng của học phần tài năng có thể được thực hiện ở cùng học kỳ với học phần tài năng hoặc tối đa trong vòng hai (02) học kỳ chính tiếp theo.

Phần mở rộng hoặc toàn bộ học phần tài năng có thể được tổ chức dưới dạng các đồ án, đề tài dưới sự hướng dẫn của các giảng viên chương trình tài năng hoặc tổ chức thành các lớp riêng (nếu có) tùy thuộc vào đặc thù của từng Khoa, ngành với quy mô không quá 30 sinh viên/lớp.

Đề cương chi tiết học phần tài năng là đề cương học phần của chương trình đại trà có bổ sung phần yêu cầu riêng và những điểm khác biệt phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra đã xác định.

Cách đánh giá kết quả học tập các học phần tài năng phải thể hiện được sự đánh giá quá trình và phải đánh giá được không chỉ khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên mà còn có khả năng phân tích, phản biện và áp dụng kiến thức. Quá trình đánh giá đa dạng, áp dụng nhiều hình thức như: bài tập, bài thi, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm… Cách đánh giá kết quả phần mở rộng của học phần tài năng phải thể hiện được yêu cầu chuyên sâu, nghiên cứu, phù hợp với các nội dung đã xây dựng trong đề cương chi tiết.

Tín chỉ tài năng là tín chỉ của học phần tài năng mà sinh viên tích lũy được bằng kết quả điểm học phần xếp loại khá trở lên cho học phần chung với lớp đại trà đồng thời đạt hình thức học tập cho phần mở rộng của các học phần đó.

3. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ giảng dạy chương trình tài năng

3.1. Giảng viên (phụ trách phần mở rộng của các học phần tài năng)

Có trình độ Tiến sĩ trở lên hoặc có trình độ Thạc sĩ tốt nghiệp tại các trường Đại học nước ngoài đúng ngành hoặc thuộc ngành gần;

Có năng lực chuyên môn, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo tài

năng; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan tới ngành đào tạo chương trình tài năng; có phương pháp dạy hiệu quả; áp dụng tốt các công nghệ thông tin trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

Giảng viên giảng dạy các học phần bằng ngoại ngữ cần phải có thêm yêu cầu về trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngoại ngữ tương ứng.

3.2. Cán bộ hỗ trợ giảng dạy

Cán bộ hỗ trợ giảng dạy phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần, sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar và khóa luận, luận văn tốt nghiệp.

Cán bộ hỗ trợ giảng dạy có thể là nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên giỏi của các ngành có chương trình tài năng và chương trình chất lượng cao.

4. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học

Sinh viên chương trình tài năng bắt buộc phải tham gia nghiên cứu khoa học. Yêu cầu đối với chương trình tài năng:

- 10% sinh viên tài năng/chương trình/khóa đào tạo phải có bài báo khoa học được công bố;
- 100% sinh viên tài năng tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học hoặc tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm;
- 100% sinh viên tài năng tham gia thực tập thực hành tại các đơn vị, doanh nghiệp liên kết đào tạo. Thời gian cụ thể theo chương trình đào tạo của mỗi ngành hoặc theo quy định của Khoa.

5. Hoạt động ngoại khóa

Sinh viên chương trình tài năng phải tham gia các hoạt động ngoại khóa, công tác xã hội, sinh hoạt khoa học/học thuật ở cấp trường hoặc cấp Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, cấp thành phố.

Hoạt động ngoại khóa là một trong các tiêu chí xét tốt nghiệp của sinh viên tài năng.

6. Học phí và hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Học phí:

- Mức thu học phí và các khoản thu ngoài học phí (nếu có) đối với chương trình tài năng được áp dụng cùng mức thu đối với chương trình đại trà.

Học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên:

- Căn cứ vào kết quả học tập và các tiêu chí khác, sinh viên chương trình tài năng được hỗ trợ kinh phí cho công việc học thuật, thực tập, kiến tập, tham quan thực tế, khen thưởng và nghiên cứu khoa học.
- Các mức chi hỗ trợ tài chính được thực hiện theo quy định về chương trình tài năng của trường Đại học Bách khoa và theo dự trù kinh phí hoạt động hàng năm.

Ngoài các mức hỗ trợ về tài chính như trên, sinh viên chương trình tài năng được xét học bổng khuyến khích học tập như sinh viên chương trình chính quy đại trà, căn cứ theo quy định về xét học bổng khuyến khích học tập của trường.

Phần B. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

7. Ban điều hành cấp trường

Ban điều hành cấp trường gồm:

- Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo làm Trưởng ban;
- Trưởng phòng Đào tạo hoặc Phó Trưởng phòng Đào tạo làm Phó Ban thường trực;
- Đại diện phòng Kế hoạch – Tài chính;
- Đại diện các Khoa có ngành đào tạo chương trình tài năng.

Ban điều hành cấp trường có trách nhiệm:

- Đề xuất phương hướng và xét duyệt kế hoạch phát triển chương trình tài năng của trường để trình Ban điều hành của Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, tài chính, chương trình đào tạo, tổ chức xây dựng quy chế, quy định liên quan tới việc tuyển chọn và chế độ chính sách phục vụ nằm đảm bảo cho chương trình hoạt động có hiệu quả;
- Chỉ đạo và theo dõi việc thực hiện chương trình tại các đơn vị;
- Định kỳ báo cáo Ban Giám hiệu về các hoạt động của chương trình.

8. Ban điều hành cấp khoa

Bao gồm đại diện Ban chủ nhiệm khoa và các Thầy Cô trực tiếp quản lý ngành, quản lý lớp.

Ban điều hành cấp Khoa có trách nhiệm:

- Tổ chức tuyển mới và tuyển bổ sung các sinh viên đủ tiêu chuẩn vào chương trình. Đề xuất cho trường danh sách sinh viên tuyển mới, bổ sung, khen thưởng, loại ra của ngành đào tạo chương trình tài năng mỗi học kỳ theo các quy định trong văn bản này;
- Phân công Giáo viên chủ nhiệm riêng cho sinh viên chương trình tài năng; Thông qua Giáo viên chủ nhiêm, Khoa quản lý trực tiếp sinh viên chương trình tài năng;
- Phân công giảng dạy và quản lý trực tiếp việc giảng dạy nhằm đảm bảo nội dung và chuẩn chất lượng cao của chương trình;
- Xác nhận các khối lượng và chất lượng các công việc mà cán bộ giảng dạy đã thực hiện trong từng học kỳ;
- Định kỳ tổng kết báo cáo với Ban điều hành cấp trường về các hoạt động ở cấp khoa.

Phần C. QUẢN LÝ HỌC VỤ VÀ QUẢN LÝ GIẢNG DẠY

9. Phương thức xét tuyển mới

Điều kiện tuyển mới:

- Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo thời gian đào tạo kế hoạch của chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào chương trình tài năng;
- Điểm trung bình tích lũy tại thời điểm xét lớn hơn 7,0 theo thang điểm 10,0 hoặc 2,8 theo thang điểm 4,0; Điểm trung bình học kỳ gần nhất lớn hơn 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0;
- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.

Thời gian tuyển mới:

- Ban điều hành cấp Khoa thông báo tuyển chọn và lập danh sách tuyển mới các sinh viên vào chương trình đào tạo tài năng sau học kỳ 2 năm nhất;
- Ban điều hành cấp Khoa gửi danh sách tuyển mới đến phòng Đào tạo vào tháng 7 hằng năm;
- Phòng Đào tạo có trách nhiệm hậu kiểm kết quả học tập của các sinh viên sau khi có đầy đủ thông tin về kết quả học tập sau năm nhất (học kỳ thứ nhất và học kỳ thứ hai) để soạn quyết định công nhận sinh viên chương trình tài năng và trình Ban giám hiệu ký duyệt.

Điều kiện để tiếp tục tham gia chương trình tài năng:

- Đang là sinh viên chương trình tài năng;
- Không vi phạm các điều kiện loại khỏi chương trình tài năng;
- Có thời khóa biểu trong học kỳ hiện tại;
- Không vi phạm các điều kiện về học vụ như buộc tạm dừng, buộc thôi học…;
- Học đúng khóa tuyển sinh chương trình tài năng;
- Các trường hợp khác do hiệu trưởng quyết định.

10. Tuyển bổ sung và cho ra khỏi các chương trình tài năng

10.1. Tuyển bổ sung

Căn cứ vào chỉ tiêu cho phép và số sinh viên bị loại, nếu số sinh viên còn lại của ngành có chương trình tài năng ít hơn chỉ tiêu thì khoa được phép tiến hành tuyển bổ sung.

Thời điểm cuối cùng sinh viên được tuyển bổ sung vào chương trình tài năng là học kỳ 1 năm thứ 3.

Điều kiện để sinh viên được tham gia dự tuyển bổ sung:

- Sinh viên đang học cùng khóa, cùng ngành có đào tạo chương trình tài năng. Trường hợp cần thiết Khoa có thể thông báo tuyển cả các sinh viên một số ngành, chuyên ngành khác cùng khóa cùng Khoa nếu ngành này không có sự khác biệt về chương trình đào tạo so với ngành đang đào tạo chương trình tài năng (số tín chỉ khác biệt nhỏ hơn 10%);
- Có điểm rèn luyện đạt từ loại Tốt trở lên, có nguyện vọng theo học chương trình tài năng;
- Có số tín chỉ tích lũy đạt trên 90% theo kế hoạch của chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào chương trình tài năng;
- Điểm trung bình học kỳ gần nhất và điểm trung bình tích lũy lớn hơn 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0.

10.2. Ra khỏi chương trình

Tại thời điểm xem xét, sinh viên phạm phải một trong các điều sau:

- Không có thời khóa biểu học kỳ, tạm dừng, chưa tốt nghiệp khi đã quá thời gian theo kế hoạch học tập;
- Không đăng ký học đầy đủ các môn học tài năng bắt buộc trong học kỳ;
- Điểm trung bình tích lũy học tập nhỏ hơn hoặc bằng 7,0 theo thang điểm 10,0 hoặc 2,8 theo thang điểm 4,0;
- Số tín chỉ tích lũy so với kế hoạch của chương trình đào tạo nhỏ hơn 80% nếu học năm

nhất; năm hai hoặc nhỏ hơn 90% nếu đã học các năm trên;

- Điểm trung bình học kỳ nhỏ hơn hoặc bằng 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0;
- Điểm rèn luyện dưới mức Tốt tính theo quy định hiện hành.

Các sinh viên ra khỏi chương trình sẽ được trở về ngành, chuyên ngành gốc theo kết quả tuyển sinh hay ngành gốc theo kết quả phân ngành của Khoa. Trường hợp chương trình đào tạo đã khác biệt trên 10% (so với ngành gốc) sinh viên được chuyển sang lớp đại trà cùng ngành, chuyên ngành với chương trình tài năng đang học.

10.3. Sinh viên xin ra khỏi chương trình

Sinh viên có yêu cầu cá nhân được phép làm đơn ra khỏi chương trình, trở về chương trình đào tạo đại trà. Sinh viên chỉ được phép ra khỏi chương trình khi đã kết thúc học kỳ.

11. Giảng dạy môn học chương trình tài năng

Khoa chọn các cán bộ có đủ năng lực để phục trách giảng dạy các môn học tài năng.

Trong thời gian giảng dạy, Ban điều hành cấp Khoa và các Giáo viên chủ nhiệm gặp gỡ đại diện sinh viên tất cả các chương trình để trao đổi và giải quyết ngay các vướng mắc về giảng dạy và sinh hoạt. Cuối học kỳ Khoa tổ chức lấy ý kiến sinh viên về giảng dạy môn học và tổ chức cho Cán bộ giảng dạy rút kinh nghiệm về các góp ý của sinh viên.

Các môn học tài năng nếu tổ chức lớp riêng, tuân thủ các quy định về giảng dạy và kiểm tra, thi theo quy định hiện hành của trường. Trong đó việc sử dụng e-learning trong giảng dạy và học tập là bắt buộc.

Học phần mở rộng của các học phần lý thuyết, được tổ chức dưới dạng Đồ án. Học phần này được xét hoàn thành khi tình trạng là "Đạt".

Học phần tài năng được xét là "Đạt" khi phần lý thuyết có điểm tổng kết môn học lớn hơn hoặc bằng 7,5 theo thang điểm 10,0 và tình trạng phần mở rộng của học phần lý thuyết là "Đạt".

Khoa phải tổ chức cho sinh viên chương trình tài năng tham gia nghiên cứu khoa học. Ban điều hành cấp Khoa chịu trách nhiệm phê duyệt chọn đề tài và cán bộ hướng dẫn Thực tập ngoài trường, Đề cương luận văn hoặc Đồ án chuyên ngành và Khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên chương trình tài năng để đảm bảo chất lượng tương ứng với ý nghĩa "tài năng" của bằng cấp. Khuyến khích chọn các đề tài theo hướng nghiên cứu, yêu cầu sinh viên tham gia viết báo, tham dự hội nghị khoa học.

12. Tốt nghiệp chương trình tài năng

Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ "Chương trình đào tạo tài năng" (Honors Program) nếu đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định học vụ và đào tạo, đồng thời thoả các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng, không vi phạm điều kiện cho ra khỏi chương trình;
- Hoàn tất chương trình đào tạo tài năng đúng hạn theo thời gian đào tạo kế hoạch;
- Có điểm Khoá luận tốt nghiệp và điểm trung bình tích luỹ (ngành) lớn hơn 7,5 theo thang điểm 10,0 hoặc 3,0 theo thang điểm 4,0 và điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên;
- Đạt đủ số tín chỉ yêu cầu của phần mở rộng của các học phần tài năng.

PHỤ LỤC 12. QUY ĐỊNH THÊM VỀ CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, TIÊN TIẾN

[Phụ lục 6, HVu_ĐH]

1. Học Kỳ Pre-Uni

Các học kỳ Pre-Uni dùng để tổ chức giảng dạy chương trình Anh văn tăng cường, được tổ chức 03 học kỳ/ năm nhằm mục đích giúp sinh viên nâng cao và cải thiện trình độ tiếng Anh, đạt chuẩn ngoại ngữ của chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

Các sinh viên trúng tuyển vào chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, nhưng chưa đạt chuẩn ngoại ngữ có thể tham gia học trong các học kỳ Pre-Uni. Sau học kỳ Pre-Uni thứ nhất, các sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ có thể tham gia học tập theo lộ trình 1B: dùng học kỳ hai và học kỳ hè của năm học làm học kỳ một và học kỳ hai của năm học thứ nhất để theo kịp tiến độ so với các sinh viên cùng khoá tuyển sinh đã đạt chuẩn ngay từ lúc nhập học (lộ trình 1A). Các sinh viên còn lại sẽ tiếp tục học các học kỳ Pre-Uni thứ hai, thứ ba và phải chuyển khoá học đến khoá tuyển sinh sau.

2. Các học phần bổ sung

Các sinh viên chương trình chất lượng cao, tiên tiến phải hoàn tất các học phần bổ sung để đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

2.1. Chương trình giáo dục kỹ năng

Chương trình giáo dục kỹ năng (Professional Skills Training Program) cho sinh viên thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao, tiến tiến, chuyển tiếp quốc tế ở bậc đại học tập trung vào các nhóm kỹ năng chính như ***Kỹ năng mềm***, ***Kỹ năng xã hội***.

Mục tiêu học phần:

- Kỹ năng mềm: giúp hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu như Giải quyết vấn đề, Tư duy sáng tạo, Truyền thông, Hợp tác và nâng cao Cảm thức đối với vấn đề của cộng đồng.
- Kỹ năng xã hội: giúp sinh viên rèn luyện, phát huy các kỹ năng/ năng khiếu thuộc lĩnh vực nghệ thuật và khoa học xã hội. Sinh viên chọn học một trong các học phần: Báo chí, Sân khấu, Thanh nhạc, Nhiếp ảnh, Nhảy hiện đại, Nhảy đường phố, Dẫn chương trình, Tư duy phản biện, …

Thời gian triển khai: thường triển khai vào học kỳ 1 năm thứ nhất.

Qui mô lớp học: Khoảng 30 sinh viên/ lớp.

Ngôn ngữ đào tạo:

- Kỹ năng mềm: tiếng Anh (dành cho các sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ), tiếng Việt (các sinh viên còn lại);
- Kỹ năng xã hội: tiếng Việt.

Khối lượng các học phần:

- Kỹ năng mềm: tương đương 03 tín chỉ (khoảng 39 giờ làm việc trực tiếp tại lớp, 54 giờ bài tập lớn và 54 giờ cho các hoạt động ngoài giờ và tự học).
- Kỹ năng xã hội: tương đương 02 tín chỉ (khoảng 24 giờ làm việc trực tiếp tại lớp, 32 giờ bài tập lớn và 39 giờ tự học và các hoạt động ngoại khóa).

Phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá:

- Áp dụng hình thức học tập Flipped Classroom (lớp học đảo ngược), Project-based

learning (học tập qua dự án) để thực hiện các dự án/bài tập lớn/bài tập nhóm được giảng viên giao theo yêu cầu môn học, đánh giá chuyên cần;

- Hoạt động ngoại khóa;
- Hội trại truyền thống của VPĐTQT (OISP Camp), Dự án cộng đồng (Community Project). Để đánh giá kết quả đạt được của dự án, VPĐTQT tổ chức Ngày hội cộng đồng (Community Day), Cuộc thi thuyết trình (Presentation Contest), chương trình Study Tour.

2.2. Học phần Tiếng Việt

Dành cho các sinh viên nước ngoài học chương trình chất lượng cao, tiên tiến.

Chương trình:

- Gồm 04 học phần Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Tiếng Việt 4, tương đương 12 tín chỉ, tương ứng 180 tiết. Sinh viên hoàn thành học phần Tiếng Việt được xét miễn các học phần khối kiến thức Kinh tế chính trị xã hội và Pháp luật.

Thời gian triển khai: Bố trí trong kế hoạch giảng dạy từ học kỳ 3.

2.3. Học phần Tiếng Nhật

Dành cho các sinh viên chương trình Chất lượng cao tăng cường Tiếng Nhật.

Chương trình:

- Gồm 08 học phần từ Tiếng Nhật 1 đến Tiếng Nhật 8, tương ứng khoảng 1.200 giờ lên lớp. Sinh viên hoàn thành toàn bộ các học phần Tiếng Nhật để đạt trình độ tương đương N2.

Thời gian triển khai: Bố trí lần lượt trong kế hoạch giảng dạy từ học kỳ 1.

PHỤ LỤC 13. QUY ĐỊNH VỀ CÁC LOẠI HÌNH LỚP HỌC PHẦN

[Phụ lục 7, HVu_ĐH]

Các cụm từ viết tắt dùng trong phụ lục:

- CS LTK: Cơ sở Lý Thường Kiệt, Thành phố Hồ Chí Minh
- CS Dĩ An: Cơ sở Dĩ An, Bình Dương
- VLVH: Vừa làm Vừa học

1. Loại hình lớp

Loại hình lớp và ký hiệu lớp được quy định như sau:

Loại hình lớp	Giải thích	Ký hiệu
LopCQ	Lớp Chính quy: lớp mở theo chương trình đào tạo chính quy trong các học kỳ chính và trong học kỳ hè cho học phần Thực tập ngoài trường, học chủ yếu trong giờ hành chính.	Axx: tại CS LTK Lxx: tại CS Dĩ An Pxx: dành riêng cho Kỹ sư Việt-Pháp Cxx: Cao đẳng TNxx: dành riêng cho Chương trình Tài năng
LopDT	Lớp dự thính được mở theo nhu cầu của sinh viên, trong các học kỳ chính và học kỳ phụ, có giờ học linh động, chủ yếu ngoài giờ hành chính. Trong học kỳ hè, giờ học chủ yếu là giờ hành chính. Lớp dự thính học lại mở riêng cho sinh viên Vừa làm vừa học, thường ở dạng rút gọn, tổ chức vào thời gian giữa các học kỳ chính và vào học kỳ hè.	DTxx: tại CS LTK DLxx: tại CS Dĩ An RZxx: VLVH học lại tại CS LTK
LopB2	Lớp Bằng 2 tối: lớp mở cho sinh viên chính quy bằng thứ 2 trong các học kỳ chính, học chủ yếu là ngoài giờ hành chính.	Bxx: Bằng 2 tối tại CS LTK
LopBT	Lớp Buổi tối: lớp mở cho sinh viên vừa làm vừa học, học chủ yếu là ngoài giờ hành chính.	Txx: VLVH tối tại CS LTK
LopĐP	Lớp Địa phương: lớp mở cho các sinh viên vừa làm vừa học tại các cơ sở liên kết đào tạo ở các địa phương.	ZxĐP: tại địa phương cụ thể
LopTX	Lớp Đào tạo từ xa: lớp mở cho sinh viên Đào tạo từ xa.	Xxx
LopQT	Lớp chương trình tiên tiến, chất lượng cao, quốc tế, AUF: lớp mở cho các Chương trình tiên tiến, Chất lượng cao, Liên kết quốc tế, AUF, … theo các quy định riêng.	TTxx: Tiên tiến CCxx: Chất lượng cao QTxx: Liên kết quốc tế CNxx: Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật ANxx: Tăng cường tiếng Nhật

2. Loại hình lớp và đối tượng sinh viên

Loại hình lớp và đối tượng sinh viên được phép đăng ký học được quy định như sau:

Sinh viên	Loại hình lớp
Chính quy đại trà, bằng thứ hai, Kỹ sư Việt-Pháp	- LopCQ - LopDT - LopB2: chỉ được đăng ký nếu không có lớp mở loại hình LopCQ của học phần trong cùng học kỳ, được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopQT: đặc cách học nếu thoả các điều kiện Chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
Chính quy bằng thứ 2 buổi tối	- LopB2 - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT - LopQT: đặc cách học nếu thoả các điều kiện chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
Vừa làm vừa học học tại CS LTK	- LopBT - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT, LopDT học lại - LopĐP: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopQT: đặc cách học nếu thoả các điều kiện chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.
Vừa làm vừa học học tại địa phương	- LopĐP: nếu là lớp tại địa phương khác với địa phương đang học, được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopBT: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT, LopDT học lại - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ).
Đào tạo từ xa	- LopTX - LopDT - LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopBT: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopĐP: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ).
Chất lượng cao, Tiên tiến, Liên kết quốc tế	- LopQT gồm TTxx (Tiên tiến), CCxx (Chất lượng cao tiếng Anh), QTxx (Liên kết quốc tế)
Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật	- LopQT gồm CNxx Trường hợp đặc biệt, có thể đăng ký học các lớp LopQT (bằng tiếng Anh, nếu thoả điều kiện chuẩn ngoại ngữ), LopCQ, LopB2, LopDT để kịp tiến độ học tập.
Tăng cường tiếng Nhật	- LopQT gồm ANxx - LopCQ - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT
Học viên Cao học/ Nghiên cứu sinh/ Sinh viên trao đổi	- LopCQ: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopB2: được tính là dạng dự thính (chuyển hệ). - LopDT - LopQT: đặc cách học nếu thoả các điều kiện chuẩn ngoại ngữ (nếu có) và được sự đồng ý của đơn vị quản lý chương trình.

PHỤ LỤC 14. CÁC QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP DÀNH CHO CÁC KHOÁ TỪ 2020 VỀ TRƯỚC

[Phụ lục 8, HVu_ĐH]

Phụ lục này quy định các nội dung chuyển tiếp, do có sự khác biệt giữa quy định mới và quy định cũ, dành cho các sinh viên từ khoá 2020 về trước, ngoại trừ các sinh viên chuyển khoá học chung với khoá 2021.

1. Xếp trình độ năm học

Áp dụng quy định sau thay cho quy định tại Điều 24 cho đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022:

- Trình độ năm thứ nhất: N < 28;
- Trình độ năm thứ hai: 28 ≤ N < 56 và đạt chuẩn ngoại ngữ năm hai;
- Trình độ năm thứ ba: 56 ≤ N < 80 và đạt chuẩn ngoại ngữ năm ba;
- Trình độ năm thứ tư: 80 ≤ N < 128 và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư;
- Trình độ năm thứ năm (đối với các chương trình đào tạo trên bốn năm): 108 ≤ N và đạt chuẩn ngoại ngữ năm tư.

2. Thời gian đào tạo

Áp dụng quy định sau thay cho quy định tại Khoản 5.2 Điều 5:

Hình thức đào tạo, chương trình	Số học kỳ			Ghi chú
	Kế hoạch	Chuẩn	Tối đa	
Đại học chính quy bằng 1	8	8	12	Khoá 2019, 2020
	8	9	13	Từ khoá 2014 đến 2018
	9	10	14	Từ khoá 2009 đến 2013
	9	11	15	Ngành Kiến trúc từ khoá 2014 đến 2018
	10	12	16	Ngành Kiến trúc từ khoá 2010 đến 2013
Kỹ sư Việt-Pháp	10	12	16	Từ khoá 2020 về trước
Liên kết quốc tế	4	5	7	
Đại học chính quy bằng 2		6	10	Từ khoá 2020 về trước
		7	11	Ngành Xây dựng từ khoá 2020 về trước
Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa	9	10	20	Từ khoá 2020 về trước
Cao đẳng	6	7	10	Từ khoá 2017 về trước

3. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa khi đăng ký học phần trong các học kỳ chính

Sinh viên chương trình Kỹ sư Việt-Pháp từ khoá 2018 về trước được phép đăng ký tối đa 35 đơn vị học trình hay tín chỉ trong các học kỳ chính.

Sinh viên chính quy phải đăng ký môn học với khối lượng học tập tối thiểu như sau, và áp dụng đến hết học kỳ 2 năm học 2021-2022:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ các học kỳ sau thời gian đào tạo theo kế hoạch và trừ các học kỳ học tiếng Anh của chương trình đào tạo bằng tiếng Anh. Riêng sinh viên có học lực yếu hoặc kém thì tối thiểu là 10 tín chỉ. Từ khoá 2018 về trước, cho phép số tín chỉ tối thiểu bằng với số tín chỉ thiết kế trong chương trình đào tạo của học kỳ. Các sinh viên chưa đạt chuẩn ngoại ngữ từng năm, cho phép đăng ký học ít hơn 10 tín chỉ.
- 01 học phần tiếng Anh tăng cường đối với các sinh viên học các học kỳ Pre-Uni.
- 01 học phần cho mỗi học kỳ chính đối với các học kỳ sau thời gian đào tạo theo kế hoạch.

4. Điều kiện về số tín chỉ tích luỹ khi đăng ký các học phần tốt nghiệp

Áp dụng quy định sau về số tín chỉ tích luỹ thay cho quy định về số tín chỉ tích luỹ khi đăng ký các học phần tốt nghiệp tại Khoản 15.5 Điều 15 Khi tính số tín chỉ tích luỹ, các học phần đang học trong học kỳ kế trước nhưng chưa có kết quả được xem như đạt. Thời gian áp dụng là đến hết đợt đăng ký học phần của học kỳ 1 năm học 2022-2023.

- Thực tập tốt nghiệp/ Thực tập ngoài trường: Sinh viên được nợ tối đa 16 tín chỉ tính theo số tín chỉ tích luỹ (ngành) của khóa-ngành khi học đúng tiến độ.
- Luận văn tốt nghiệp (đại học) và Tiểu luận tốt nghiệp (cao đẳng): Sinh viên được nợ tối đa 7 tín chỉ tính theo số tín chỉ tích luỹ (ngành) của khóa-ngành khi học đúng tiến độ.

5. Thi lại

Các học phần dành riêng của chương trình Kỹ sư Việt-Pháp được phép tổ chức thi cuối kỳ lần hai. Điều kiện để tham dự kỳ thi này là sinh viên đã đăng ký học phần, tham gia học, tham dự kiểm tra, thi và có điểm tổng kết không đạt khác không, không vắng thi, không bị cấm thi. Điểm của kỳ thi cuối kỳ lần hai được thay thế cho điểm thi cuối kỳ lần một và giữ nguyên các điểm thành phần khác (bài tập, kiểm tra, thí nghiệm, ...).

Quy định này được áp dụng cho các khoá Kỹ sư Việt-Pháp như sau:

- Các khoá từ 2018 về trước;
- Các khoá 2019, 2020: được áp dụng đến hết học kỳ 1 năm học 2021-2022.

6. Đánh giá kết quả học tập

5.1. Thang điểm chính thức

Thang điểm đánh giá chính thức là thang điểm 10. Các thang điểm khác chỉ mang tính tham khảo.

Xếp loại		**Thang điểm 10** (chính thức)		**Thang điểm 4** (tham khảo)	
		Từ	**Đến**	**Điểm chữ**	**Điểm số**
Đạt (Tích lũy)	Xuất sắc	≥ 9,00	10	A+	4,0
	Giỏi	≥ 8,00	< 9,00	A	3,5
	Khá	≥ 7,00	< 8,00	B+	3,0
	Trung bình khá	≥ 6,00	< 7,00	B	2,5
	Trung bình	≥ 5,00	< 6,00	C	2,0
Không đạt (Không tích lũy)	Yếu	≥ 4,00	< 5,00	D+	1,5
	Kém	≥ 3,00	< 4,00	D	1,0
		0	< 3,00	F	0

5.2. Các điểm đặc biệt

Loại điểm	**Điểm số**	**Điểm chữ**	**Ghi chú**
Cấm thi	11	CT	Tính điểm 0,0
Miễn học, miễn thi	12	MT	Đạt, không tính vào điểm trung bình
Vắng thi	13	VT	Tính điểm 0,0
Vắng thi có phép	22	VP	Chưa đạt, không tính vào điểm trung bình Được thỏa điều kiện học phần trước
Hoãn thi	14	HT	Chưa đạt, không tính vào điểm trung bình Được thỏa điều kiện học phần trước
Chưa có điểm	15	CH	Chưa tính số tín chỉ tích luỹ, điểm trung bình
Rút môn học	17	RT	Không ghi vào bảng điểm
Không đạt	20	KD	Tính điểm 0,0
Đạt	21	DT	Đạt, không tính vào điểm trung bình

5.3. Tính điểm trung bình

Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình chung, điểm trung bình ngành là thang điểm 10, được làm tròn đến 0,01 điểm.

Không tính các điểm chuyển, điểm bảo lưu vào điểm trung bình học kỳ.

7. Xếp loại tốt nghiệp

Loại tốt nghiệp được tính dựa vào điểm trung bình tích luỹ ngành như sau:

- Xuất sắc: từ 9,00 đến 10,00;
- Giỏi: từ 8,00 đến cận 9,00;
- Khá: từ 7,00 đến cận 8,00;
- Trung bình khá: từ 6,00 đến cận 7,00;
- Trung bình: từ 5,00 đến cận 6,00.

Riêng loại Xuất sắc sẽ bị giảm xuống thành loại Giỏi khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có thời gian học vượt quá số học kỳ kế hoạch;
- Có số tín chỉ của các môn không đạt phải học lại vượt quá 5% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo toàn trường trở lên.

8. Cảnh báo học vụ

Sinh viên bị cảnh báo học vụ nếu vi phạm một trong các trường hợp sau tại thời điểm xử lý học vụ:

- Tích luỹ ít hơn 10 tín chỉ trong học kỳ chính;
- Có điểm trung bình tích luỹ < 4,00 theo thang điểm 10.

Riêng đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, chỉ xét cảnh báo học vụ từ thời điểm sinh viên (tạm) đạt Chuẩn ngoại ngữ học bằng tiếng Anh.

PHỤ LỤC 15. QUY ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI TƯƠNG ĐƯƠNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐHQG-HCM VÀ HỆ THỐNG THẾ GIỚI

[Phụ lục 7, HVu_chung]

1. Công nhận, chuyển đổi tương đương tín chỉ

a) Đối với hệ thống tín chỉ Châu Âu

Căn cứ trên khối lượng học tập quy định tại Khoản a và b Điều 7 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và căn cứ trên tài liệu hướng dẫn người dùng ECTS (ECTS users' guide), Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh công nhận chuyển đổi 02 tín chỉ châu Âu ECTS tương đương với 01 tín chỉ của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đối với hệ thống tín chỉ khác

Dựa trên khối lượng học tập thực tế, đối sánh với khối lượng học tập quy định tại Khoản a và b Điều 7 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT nêu trên để xem xét công nhận, chuyển đổi tương đương tín chỉ.

2. Bảng tham chiếu điểm đạt để được công nhận tín chỉ

Người học có kết quả đạt, đối với loại không phân mức; hoặc đạt từ loại C trở lên, đối với loại đạt có phân mức như bảng tham chiếu sau (hoặc 4,0 trở lên theo thang điểm Thuỵ Sĩ):

Xếp loại	ECTS	Thang điểm Mỹ	Thang điểm Anh	Thang điểm Pháp	Thang điểm Úc	Thang điểm Nhật	Thang điểm Thụy Sĩ
Đạt	A: Đạt khoảng 100% B: Đạt khoảng 90% C: Đạt khoảng 65% D: Đạt khoảng 35% E: Đạt khoảng 10%	A (tương đương 4) B (tương đương 3) C (tương đương 2) D (tương đương 1)	A (tương đương 70 - 100%) B (tương đương 60 - 69%) C (tương đương 50 - 59%) D (tương đương 40 - 49%)	A (tương đương 16 – 20) B (tương đương 14 – 15) C (tương đương 12 – 13) D (tương đương 10 – 11)	A (tương đương 7) B (tương đương 6) C (tương đương 5) D (tương đương 4)	S (tương đương 90 - 100) A (tương đương 80 - 89) B (tương đương 70 - 79) C (tương đương 60 - 69)	6,0 5,5 5,0 4,5 4,0
Không đạt	FX: Rớt (Gần qua môn) F: Không đạt	F (tương đương 0)	E (tương đương 30 - 39%) F (tương đương 0 - 29%)	F (tương đương 0 – 10)	E (tương đương 3) F (tương đương 2)	D (tương đương 0 - 59)	3,0 2,0 1,0